



CTY CP VLXD BẾN TRE

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

ĐC: 207D Nguyễn Đình Chiểu, Xã Phú Hưng, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

ĐT: 0275.3822315 - Fax: 0275.3822319 - Website: www.vlxdbentre.com

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

CHƯƠNG 2: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

CHƯƠNG 3: TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CHƯƠNG 4: BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

CHƯƠNG 5: BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

CHƯƠNG 6: BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHƯƠNG 7: BÁO CÁO QUẢN TRỊ

CHƯƠNG 8: BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

CHƯƠNG 9: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2019

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Phòng KT - XD

Phòng Kỹ thuật – Xây dựng

Phòng TC – HC

Phòng Tổ chức – Hành chính

HĐQT

Hội đồng quản trị

BKS

Ban kiểm soát

VLXD

Vật liệu xây dựng

BGD

Ban giám đốc

BHYT

Bảo hiểm y tế

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi: Quý vị cổ đông

Năm 2019 là cam go và khó khăn nhất của CTCTP Vật liệu xây dựng Bến Tre kể từ năm đầu thành lập tới nay. Đây cũng là năm đầu tiên Công ty không có nguồn doanh thu từ việc khai thác cát – nguồn mang lại lợi nhuận chính của Công ty trong bao năm qua. Trong khi đó, dự án Phú Tân của Công ty đã xây dựng gần xong lại bị thu hồi do vướng mắc về thủ tục pháp lý. Tình hình kinh tế Việt Nam nói chung và ngành xây dựng tại tỉnh Bến Tre nói riêng trong năm 2019 tăng trưởng chậm lại, cạnh tranh trong ngành ngày càng gia tăng. Trước tình hình đó, Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành đã thống nhất tái cơ cấu toàn bộ hoạt động của Công ty. Toàn bộ đội ngũ lãnh đạo từ Ban Giám đốc tới các phòng ban được kiện toàn, tái cơ cấu lại theo hướng tinh gọn, hiệu quả, tình hình tài chính được lành mạnh hóa. Ban Giám đốc mới, cơ cấu hoạt động mới, tinh thần làm việc mới của toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty đã góp phần duy trì hoạt động của Công ty, từng bước tháo gỡ khó khăn vướng mắc, khắc phục điểm yếu và nâng cao thể mạnh, lợi thế cạnh tranh. Kết quả kinh doanh năm 2019 phần nào đã phản ánh trung thực tình hình hoạt động kinh doanh và tài chính của Công ty.

Bước sang năm 2020, với dòng tiền hạn hẹp, thị trường cạnh tranh gay gắt, vấn đề địa chính trị và dịch bệnh đã đưa ra thách thức không nhỏ tới Hội đồng quản trị, Ban Điều hành. Tuy nhiên, chúng tôi tin tưởng rằng với chiến lược, kế hoạch kinh doanh được chuẩn bị tốt; việc quản lý, điều hành chuyên nghiệp, hiệu quả và sát sao của Ban Điều hành sẽ giúp Công ty vượt qua giai đoạn cam go, khó khăn nhất này.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi gửi lời cảm ơn tới toàn thể Ban Điều hành, cán bộ công nhân viên của Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng Bến Tre đã chung sức, chung lòng thực hiện đề án tái cơ cấu hoạt động của Công ty. Tôi xin kính chúc quý vị cổ đông sức khỏe, bình an và tiếp tục đồng hành vượt qua khó khăn cùng Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng Bến Tre.

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Mai Thị Thanh Thủy

CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

I. THÔNG TIN CHÍNH:

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE**

Mã Chứng khoán: **VXB**

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: **1300108704** do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp lần đầu ngày **01/09/2004**, thay đổi lần thứ **15** ngày **06/12/2019**.

Vốn điều lệ: **40.490.060.000** đồng

Vốn góp của chủ sở hữu: **40.490.060.000** đồng

➤ Trụ sở chính: **207D Nguyễn Đình Chiểu, Xã Phú Hưng, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre**

➤ Số điện thoại: **(0275) 3.822.315 - 3.829.857**

➤ Số Fax: **(0275) 3.822319**

➤ Website: **www.vlxdbentre.com**

➤ E-mail: **vlxdbentre@yahoo.com.vn**

II. CÁC CỘT MỐC LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN:

Năm 1978: Công ty Vật liệu Xây dựng Bến Tre là doanh nghiệp nhà nước được thành lập theo quyết định số 30/TC-CQ ngày 17/01/1978 của Ủy ban Nhân dân (UBND) tỉnh Bến Tre.

Năm 1991: Công ty Vật liệu Xây dựng Bến Tre được thành lập theo quyết định số 994/QĐ-UB ngày 02/12/1992 của UBND tỉnh Bến Tre.

Năm 2004: Công ty Vật liệu Xây dựng Bến Tre chuyển đổi thành Công ty cổ phần với vốn điều lệ ban đầu là 15 tỷ đồng.

Năm 2005: Công ty xây dựng xưởng sản xuất tole và xà gồ thép

Năm 2006: Mở rộng hoạt động sản xuất sang lĩnh vực thi công xây dựng. Tăng vốn điều lệ lên 17.250.000.000 đồng.

Năm 2007: Đăng ký công ty đại chúng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Năm 2009: Tăng vốn điều lệ lên 40.490.060.000 đồng

Năm 2010: Cổ phiếu giao dịch lần đầu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu VXB.

Năm 2019: Công ty tiến hành tái cơ cấu toàn bộ hoạt động của Công ty với mục tiêu giai đoạn 2019-2020 có lãi và ổn định.

III. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CHÍNH:

Cung cấp vật liệu xây dựng, xây dựng công trình và kinh các lĩnh vực trên địa bàn tỉnh Bến Tre, gồm có:

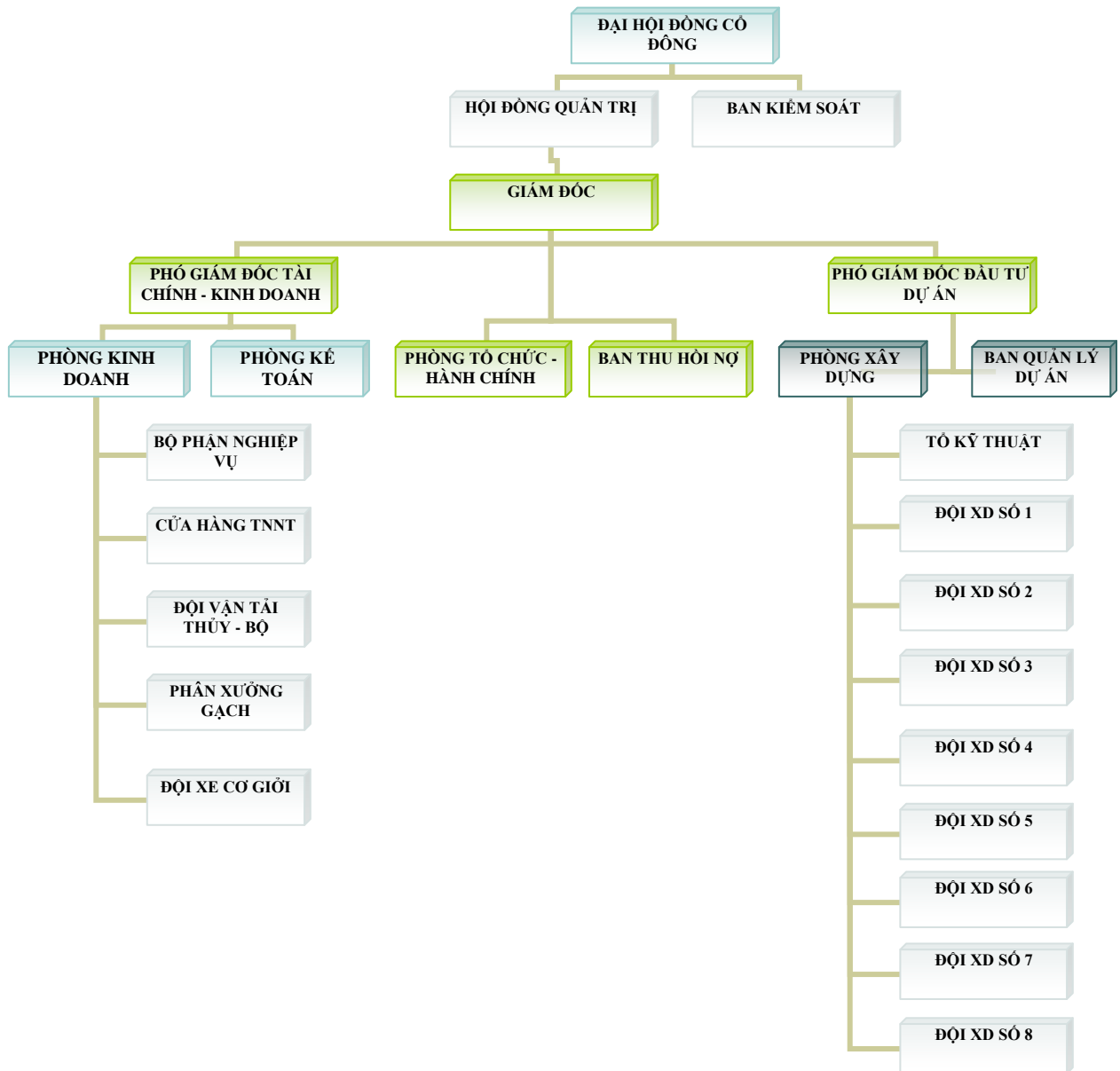
1. Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng và các mặt hàng trang trí nội thất.
2. Khai thác cát sông.
3. Thi công xây dựng, san lấp mặt bằng.

4. Vận tải hàng hóa.

5. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các công trình dân dụng, công nghiệp.

IV. SƠ ĐỒ BỘ MÁY VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC:

Công ty không thành lập công ty con và công ty liên kết:



V. CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU:

❖ **Mục tiêu ngắn hạn:**

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019 - 2020 có lãi và ổn định.

❖ **Mục tiêu dài hạn:**

Trở thành công ty hàng đầu tỉnh Bến Tre trong việc phát triển kinh doanh bất động sản, thi công xây dựng công trình và kinh doanh vật liệu xây dựng.

CHƯƠNG 2: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

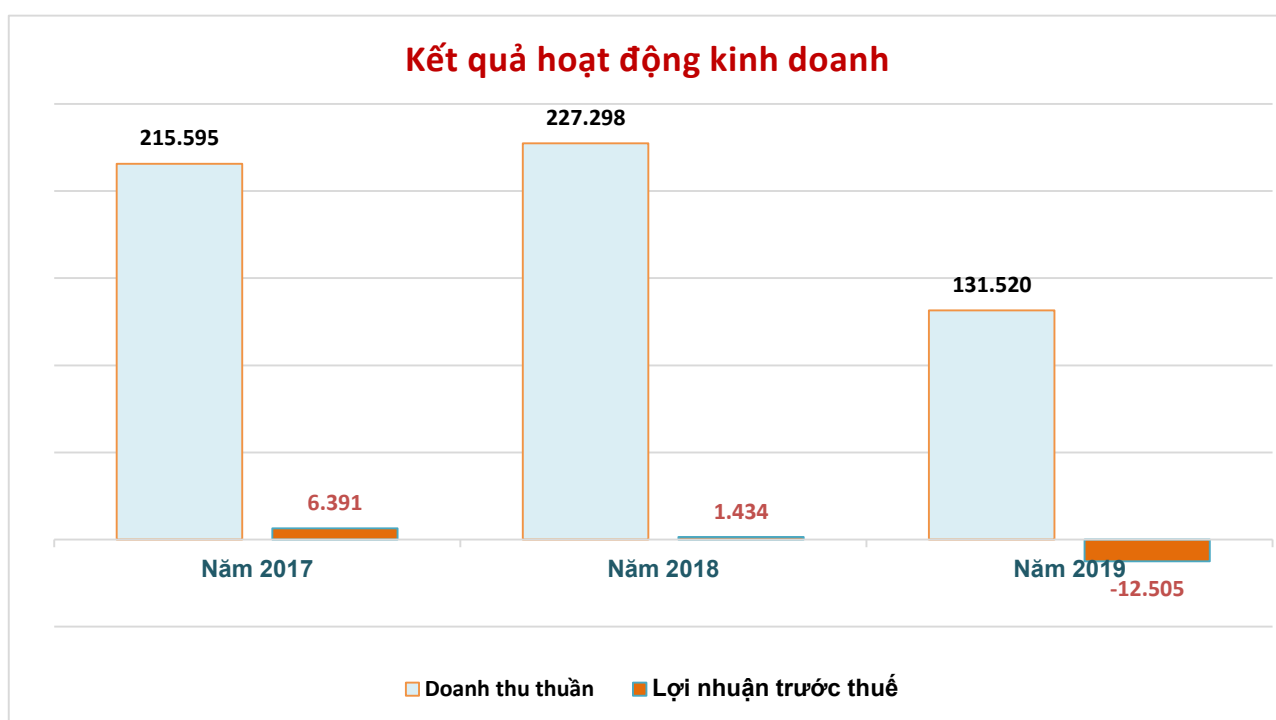
I. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH:

- ❖ Doanh thu thuần đạt hơn 131 tỷ đồng, giảm so với năm 2018 tương đương 42,1%
- ❖ Lợi nhuận sau thuế lỗ 12,418 tỷ đồng, giảm so với năm 2018 tương đương 1.033%

1. Một số chỉ tiêu về kết quả hoạt động kinh doanh:

(ĐVT: triệu đồng)

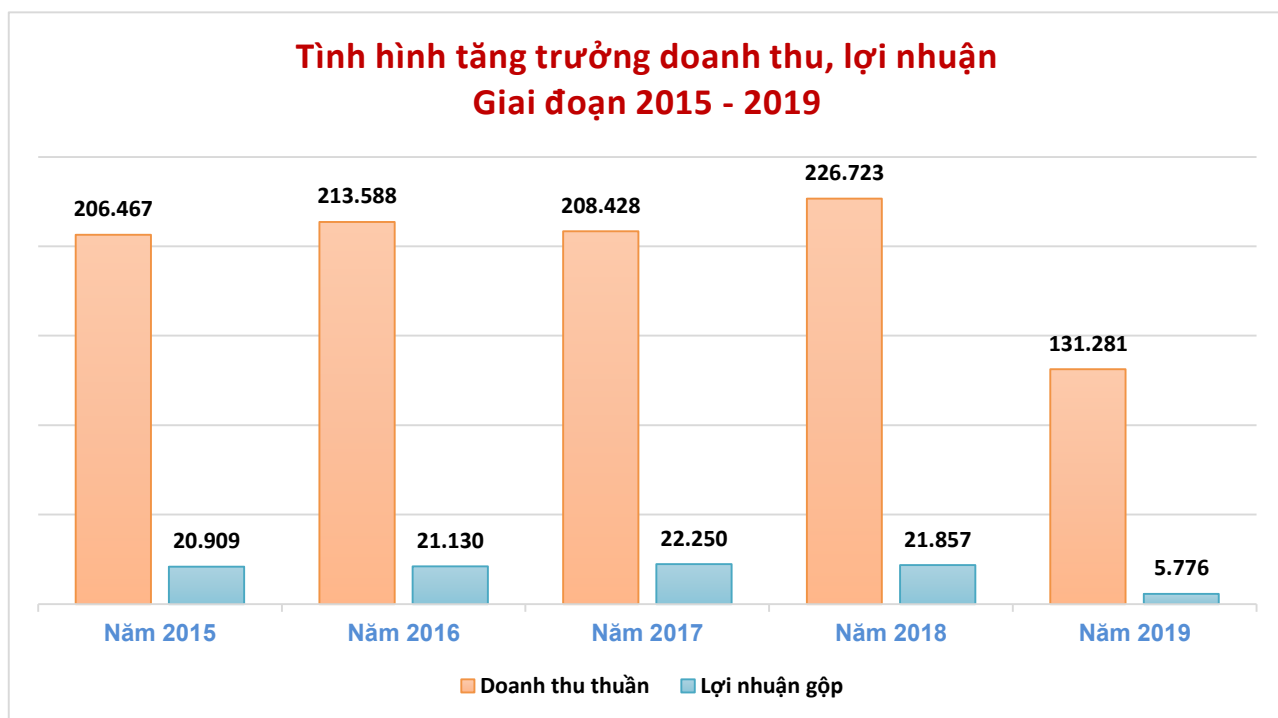
Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	2019/2018	TH/KH2019
Tổng Doanh thu	215.595	227.298	131.520	-42,14%	-3,97%
Lợi nhuận trước thuế	6.391	1.434	-12.505	-972,04%	-337,08



2. Tình hình tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận giai đoạn 2015 - 2019:

(ĐVT: triệu đồng)

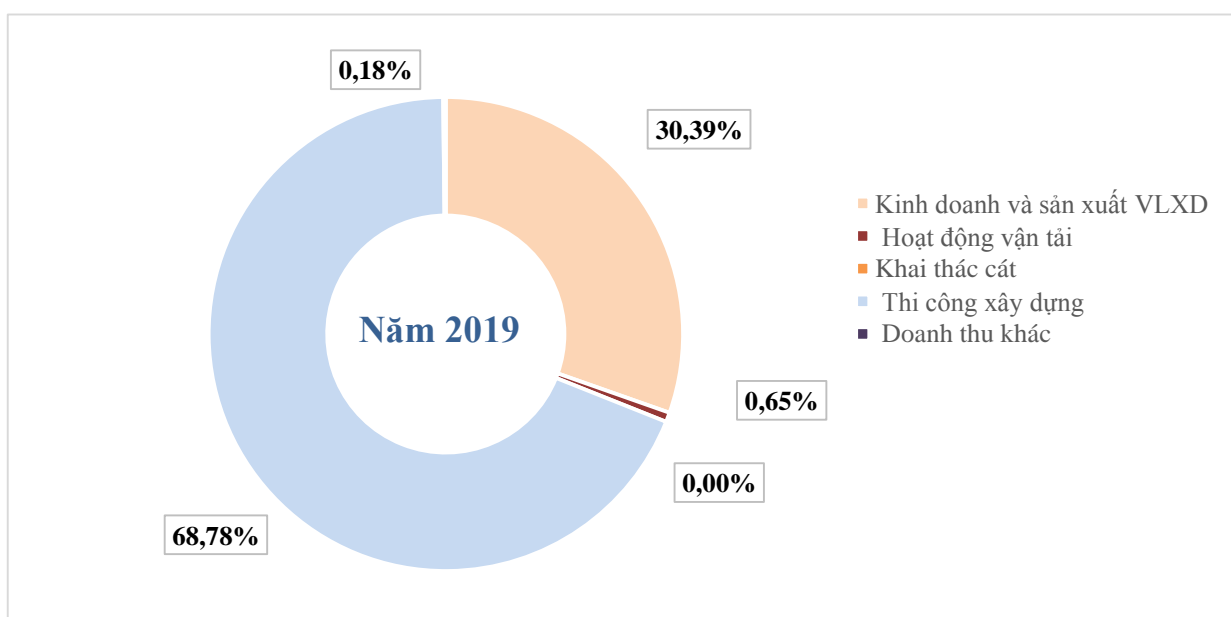
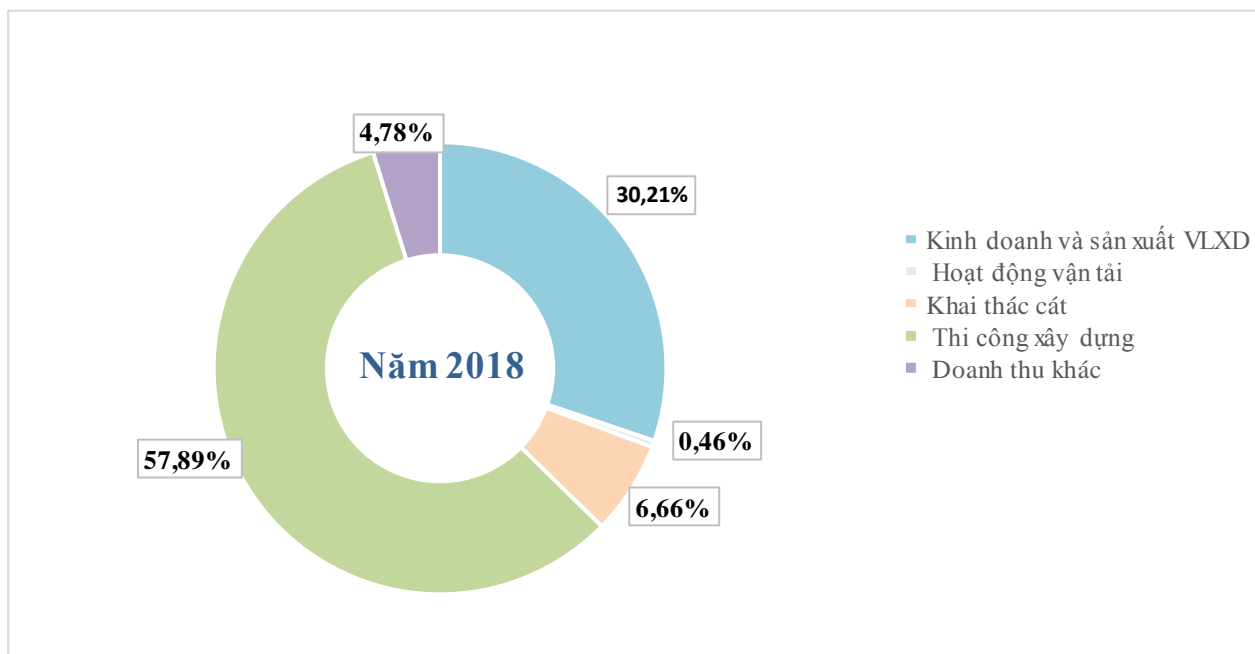
Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Doanh thu thuần	206.467	213.588	208.428	226.723	131.281
Lợi nhuận gộp	20.909	21.130	22.250	21.857	5.776
% LN gộp/DTT	10,13%	9,89%	10,68%	9,63%	4,4%



3. Cơ cấu doanh thu:

(ĐVT: triệu đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Kinh doanh và sản xuất VLXD	68.672	30,21%	39.969	30,39%
Hoạt động vận tải	1.038	0,46%	859	0,65%
Khai thác cát	15.138	6,66%	-	-
Thi công xây dựng	131.588	57,89%	90.453	68,78%
Doanh thu khác	10.862	4,78%	239	0,18%
Tổng cộng	227.298	100%	131.520	100%



Năm 2019, tình hình kinh tế - xã hội vẫn còn gặp không ít khó khăn như: sản xuất tiểu thủ công, mảng xây dựng khan hiếm nguồn nguyên liệu, giá nguyên liệu tăng cao, ô nhiễm môi trường, công tác giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn, năng lực cạnh tranh với các doanh nghiệp tư nhân chưa cao, tạm ngừng hoạt động khai thác cát (do hết thời gian khai thác cát), tồn tại nhưng khó khăn về mặt tài chính chưa tháo gỡ kịp thời ảnh hưởng đến việc nhập hàng hóa, tiến độ thi công các công trình xây dựng; sự thay đổi về chính sách thuế, phí đối với việc thuê đất, chi phí lãi vay ngân hàng còn cao... đã ảnh hưởng rất nhiều đến hiệu quả hoạt động của Công ty.

Các hoạt động chủ yếu của Công ty chủ yếu là kinh doanh vật liệu xây dựng, thi công công trình xây dựng. Trong đó, lĩnh vực xây dựng được xác định là hoạt động chủ lực đem lại doanh thu cao nhất cho công ty trong cơ cấu doanh thu năm 2019 chiếm 68,78%. Bên cạnh đó, mảng hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng năm 2019 đạt 30,39%.

II. TỔ CHỨC NHÂN SỰ:**1. Danh sách ban điều hành:**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu đại diện/năm giữ	Tỷ lệ năm giữ
1	Nguyễn Hoài Yên	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	560.984	13,85%
2	Tô Văn Chương	Phó Giám đốc	-	-
3	Đình Hoàng Vinh	Phó Giám đốc	-	-
4	Đỗ Thị Thu Trang	Kế toán trưởng	-	-

*** Tóm tắt lý lịch Ban Điều hành:****Ông Nguyễn Hoài Yên - Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc**

Năm sinh	1975
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Xây dựng
Số cổ phần sở hữu	560.484
• Số cổ phần cá nhân sở hữu	3.500 cổ phiếu chiếm 0,0864% vốn điều lệ
• Số cổ phần đại diện sở hữu	556.984 cổ phiếu chiếm 13,76% vốn điều lệ

Ông Tô Văn Chương - Phó Giám đốc

Năm sinh	1967
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Xây dựng
Số cổ phần sở hữu	-
• Số cổ phần cá nhân sở hữu	-
• Số cổ phần đại diện sở hữu	-

Ông Đình Hoàng Vinh - Phó Giám đốc

Năm sinh	1965
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế kế hoạch hóa kinh tế quốc dân
Số cổ phần sở hữu	-
• Số cổ phần cá nhân sở hữu	-
• Số cổ phần đại diện sở hữu	-

Bà Đỗ Thị Thu Trang - Kế toán trưởng

Năm sinh	1982
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kế toán
Số cổ phần sở hữu	-
• Số cổ phần cá nhân sở hữu	-
• Số cổ phần đại diện sở hữu	-

2. Tình hình cán bộ, nhân viên công ty tại thời điểm 31/03/2019:

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ trọng
I	GIỚI TÍNH	65	100%
1	Nam	56	86,15%
2	Nữ	9	13,85%
II	Trình độ	65	100%
1	Đại học	31	47,69%
2	Cao đẳng	4	6,15%
3	Trung cấp	7	10,77%
4	Công nhân Kỹ thuật	20	30,77%
5	Lao động phổ thông	3	4,62%

2.1 Chính sách đối với người lao động:

Công ty thực hiện chế độ làm việc 08 giờ/ngày, 44 giờ/tuần. Đối với các công việc đặc thù, do yêu cầu của tính chất công việc, thời gian làm có thể sắp xếp linh hoạt hơn, đảm bảo công việc được xuyên suốt.

2.2 Chính sách tuyển dụng, đào tạo:

Công ty ưu tiên tuyển dụng hoặc ký lại hợp đồng với người đã có thời gian làm việc tại Công ty và con em của người lao động trong trường hợp đáp ứng tốt nhu cầu, vị trí công việc. Tùy theo mức độ đóng góp của người lao động, Công ty sẽ hỗ trợ về thời gian để tham gia các khóa đào tạo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo định hướng phát triển của Công ty.

2.3 Chính sách lương thưởng, phúc lợi:

Hàng năm, được sự ủy quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT quyết định chính sách tiền lương căn cứ vào quy định pháp luật hiện hành cũng như kế hoạch và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Người lao động hưởng lương theo sản phẩm, theo doanh thu và tiền lương được cho người lao động và hiệu quả công việc. Chính sách lương thưởng, phúc lợi của Công ty đảm bảo cán bộ, công nhân viên tại từng bộ phận khác nhau được hưởng thu nhập tương xứng với từng vị trí công việc. Tùy theo bậc lương, thời gian được xét nâng lương của người lao động khó khăn về đời sống kinh tế nhưng có ý thức trách nhiệm trong công việc.

Ngoài ra, căn cứ vào hiệu quả công việc của từng người Công ty có chính sách xét khen thưởng trong các dịp lễ, tết, tổ chức cho cán bộ nhân viên của Công ty tham quan, nghỉ dưỡng, đồng thời có chính sách khen thưởng đối với nhân viên xuất sắc, thăm hỏi ốm đau, thai sản, báo hiếu, báo tang, lao động là nữ,...và các chế độ phúc lợi khác theo qui định của pháp luật.

(ĐVT: đồng/người/tháng)

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Thu nhập bình quân	5.200.000	5.400.000	4.643.335	4.881.783

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN:

1. Dự án Phú Tân:

Dự án Khu tái định cư Phú Tân có quy hoạch được duyệt chia ra làm 02 giai đoạn: giai đoạn 1 và giai đoạn 2. Giai đoạn 1 được UBND tỉnh phê duyệt Quyết định chủ trương đầu tư có diện tích quy hoạch là 54.714,79m².

Nay theo quy định để phù hợp với Luật Đất đai nên UBND tỉnh đã thống nhất điều chỉnh tên dự án từ **Khu tái định cư Phú Tân** sang **Khu đô thị mới Phú Tân** và phải thực hiện quy trình đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định pháp luật. Công ty đang lập thủ tục điều chỉnh quy hoạch cho cả 02 giai đoạn có diện tích là 146.677,0m².

Và Dự án đã được thông qua thành viên UBND tỉnh ngày 17/9/2019; thông qua Thường vụ tỉnh ủy ngày 29/10/2019; lấy ý kiến phản biện xã hội của Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam ngày 10/11/2019. Đến ngày 06/12/2019 Hội đồng nhân dân tỉnh ra Nghị quyết thông qua phương án đề xuất dự án Khu đô thị mới Phú Tân.

Khó khăn hiện nay là muốn thực hiện các công việc tiếp theo phải chờ các Ban ngành tỉnh tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, Sau khi có kết quả đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thì UBND tỉnh mới trao hợp đồng cho Công ty (thời gian thực hiện mất khoảng 7 - 8 tháng). Như vậy, quy trình phải quay lại từ đầu: từ giai đoạn chuẩn bị dự án cho đến khi Công ty trúng thầu thì cơ bản mọi thủ tục tiếp theo Công ty sẽ tự thực hiện.

Do các điều kiện khách quan nêu trên, chưa có quy hoạch 1/500 được duyệt nên chưa lập dự án đầu tư được. Do đó chưa có báo về hồ sơ pháp lý dự án, chưa có cơ sở tổng hợp về dòng tiền, phương án kinh doanh của dự án Khu đô thị mới Phú Tân (Dự kiến tổng mức đầu tư **Khu đô thị mới Phú Tân** khoảng 320 tỷ đồng).

2. Dự án Chợ Mỹ Thạnh An:

- Chợ Mỹ Thạnh An được khởi công xây dựng vào tháng 9/2018.

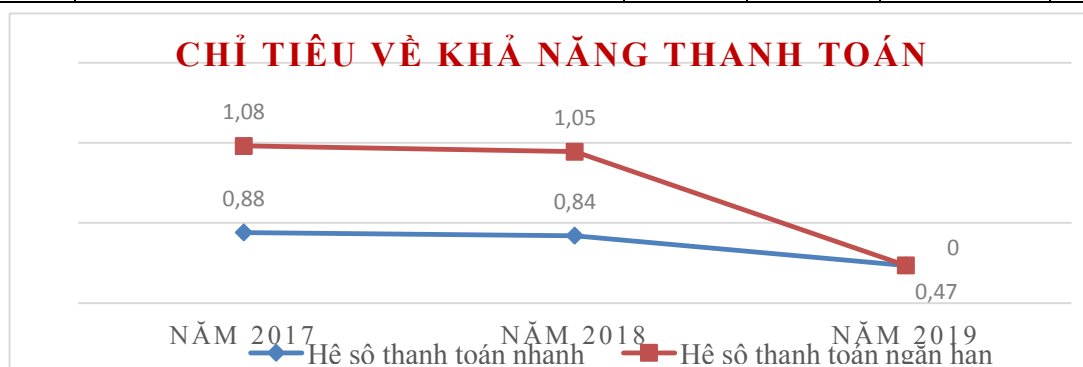
- Theo đánh giá sơ bộ hiệu quả đầu tư (nếu các tiểu thương lấp đầy) thì lợi nhuận bình quân hàng năm khoảng 01 tỷ đồng, vốn đầu tư khoảng 11,58 tỷ đồng. Thực tế qua các buổi tiếp xúc với các tiểu thương thì đa số ban đầu đồng ý đăng ký thuê các dãy kiosk, sau đó khi tổ chức đấu giá thì các tiểu thương không đăng ký đấu giá các dãy kiosk mà chỉ tham gia đấu giá thuê các dãy sạp cá - thịt, quầy thực phẩm, rau củ quả mà thôi. Trong đó giá trị chiếm tỷ trọng rất lớn (đến 80%) quyết định đến hiệu quả dự án này. Nhận thấy vốn đầu tư vào chợ rất lớn nhưng hiệu quả thu lại không cao, không đủ chi phí bù lại vốn đầu tư ban đầu, thời gian thu hồi vốn kéo dài nên Công ty chấm dứt hoạt động đầu tư xây dựng Chợ MTA.

=> **Định hướng trong thời gian tới:** cho thuê dài hạn tạo doanh thu hàng năm cho công ty.

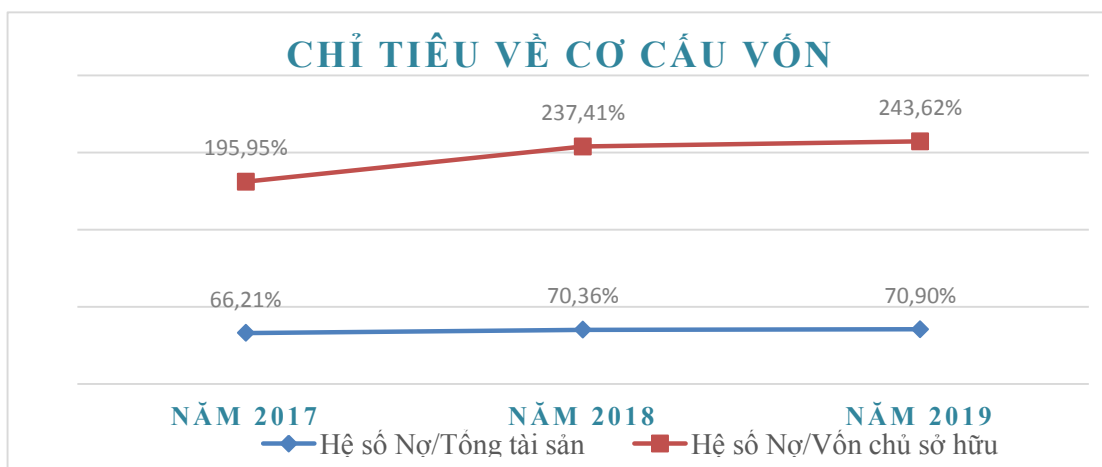
CHƯƠNG 3: TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

I. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU:

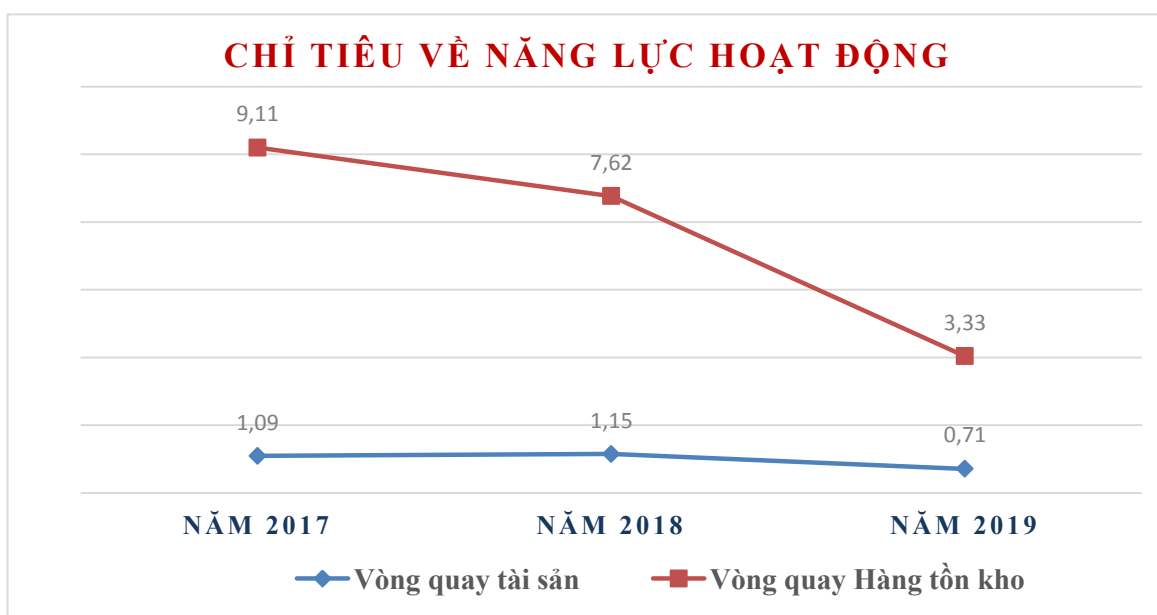
STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
I	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,08	1,05	0,89
2	Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,88	0,84	0,47
II	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
1	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	66,21	70,36	70,9
2	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	195,95	237,41	243,62
III	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
1	Vòng quay Hàng tồn kho	Vòng	9,11	7,62	3,33
2	Vòng quay tài sản	Vòng	1,09	1,15	0,71
IV	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
1	Hệ số LNST/DTT	%	2,45	1,04	(9,46)
2	Hệ số LNST/VCSH (bình quân)	%	7,98	3,79	(22,9)
3	Hệ số LNST/Tổng tài sản(bình quân)		2,68	1,2	(6,73)
4	Hệ số LN từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	1,19	0,87	(11,7)



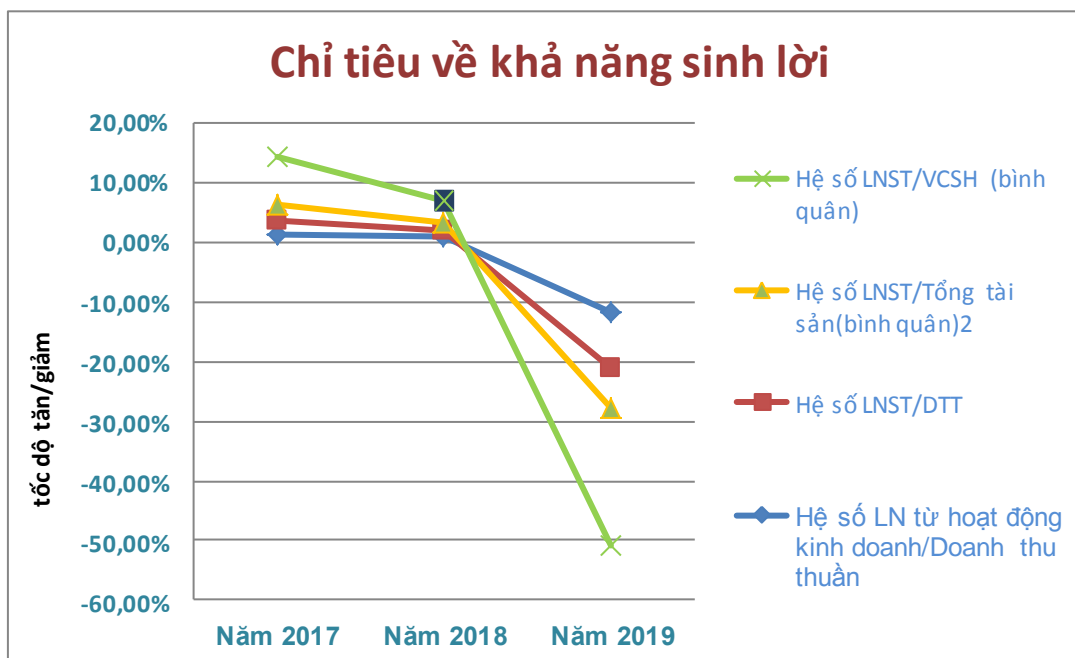
Tài sản ngắn hạn trong năm 2019 giảm mạnh từ 144 tỷ đồng giảm còn 99 tỷ đồng so với năm 2018 nguyên nhân chủ yếu ở việc trích lập dự phòng khoảng phải thu khoảng 5,2 tỷ đồng. Bên cạnh đó số liệu ghi nhận tại thời điểm 31/12/2019 hàng tồn kho 45 tỷ và các khoản tiền trả trước 888 triệu là rất cao. Trong khi đó, tổng nợ ngắn hạn có giảm so với năm 2018 (tương đương khoảng 29,69 tỷ đồng) nhưng giảm chưa đáng kể so với tài sản ngắn hạn, vì vậy cả hệ số thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh đều giảm so với năm 2017, 2018 lần lượt là 0,89 và 0,47; điều này cho ta thấy khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty đang giảm mạnh.



Năm 2019, Công ty sử dụng tỷ lệ nợ cao trong cơ cấu vốn của mình với tỷ lệ nợ/tổng tài sản là 70,9% cao hơn năm 2018, 2017 lần lượt là 70,36%, 66,21%. Nợ của Công ty chủ yếu từ hoạt động vay ngắn hạn và dài hạn.



Chỉ tiêu vòng quay Hàng tồn kho giảm mạnh trong năm 2019 từ 7,62 vòng năm 2018 giảm còn 3,33 vòng năm 2018, số liệu hàng tồn kho tại thời điểm cuối năm 2019 cao khoảng 46 tỷ đồng, chủ yếu là do chi phí dở dang của các công trình chưa quyết toán khoảng 27 tỷ đồng. Chỉ số vòng quay tổng tài sản không tăng giảm còn 0,71 vòng. Hệ số này nhỏ hơn 1 cho thấy tình hình tài chính của Công ty rất tiêu cực không khả năng hoàn trả các khoản nợ khi đáo hạn.



Tất cả các hệ số thuộc nhóm chỉ tiêu về khả năng sinh lời đều âm do năm 2019 Công ty bị lỗ khoảng 12,4 tỷ đồng. Về nguyên nhân dẫn đến thua lỗ trong năm 2019 sẽ được trình bày tại Báo cáo của Ban Giám đốc công ty.

II. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG:

1. Cổ phần:

Vốn điều lệ: 40.490.060.000 đồng

Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 4.049.006 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Cổ phiếu thường: 4.049.006 cổ phiếu

Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 4.049.006 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.

2. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 11/11/2019:

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông trong nước	187	98,84
	Cổ đông nhà nước	1	0,53
	Cổ đông tổ chức	1	0,53
	Cổ đông cá nhân	185	97,78
2	Cổ đông nước ngoài	2	1,06
	Cổ đông tổ chức	1	0,53
	Cổ đông cá nhân	1	0,53

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Tỷ lệ (%)
3	Cổ phiếu quỹ	-	-
	Tổng cộng	189	100%

3. Danh sách cổ đông lớn:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Phân loại cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước đại diện là:	Nhà nước	2.014.626	49,76
	Mai Thị Thanh Thủy		769.311	19,00
	Phạm Tường Vi		688.331	17,00
	Nguyễn Hoài Yên		556.984	13,76
2	Cao Toàn Thắng	Cổ đông lớn	293.500	7,25
3	Ngô Hữu Tài	Cổ đông lớn	270.126	6,67

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

Các chứng khoán khác: không có

CHƯƠNG 4: BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**I. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG NGUYÊN VẬT LIỆU (dùng chủ yếu trong hoạt động sản xuất gạch Terrazzo Đồng Khởi):**

STT	Tên NVL	ĐVT	Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019	
			Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
1	Đá mi bụi	m3	555	108.414.810	636	154.664.172	354	74.238.338
2	Cát vàng	m3	147	4.901.568	136	8.378.876	189	13.142.939
3	Đá hạt	kg	88.900	92.366.626	149.250	150.864.460	93.080	85.412.833
4	Bột đá	kg	157.560	157.560.000	4.859	90.800.953	92.200	61.724.301
5	Bột màu	kg	3.336	117.427.200	3.822	147.432.739	2.121	62.222.103
6	Xi măng đen	kg	260.100	323.564.400	308.250	364.414.204	198.150	237.332.920
7	Xi măng trắng	kg	33.600	122.976.000	20.250	59.607.550	11.750	34.800.651
TỔNG CỘNG		đồng		927.210.604		976.162.954		568.874.085

*** Phương án tiết kiệm, tái chế NVL trong tương lai:**

Công ty đã xây dựng định mức sử dụng nguyên vật liệu cụ thể trong thực tế sản xuất nhằm tiết kiệm chi phí nguyên vật liệu đầu vào cho từng đơn vị sản phẩm. Từng tháng có kiểm tra lượng nguyên vật liệu thực tế sử dụng và định mức qui định để điều chỉnh kịp thời. Đồng thời, do đặc thù nguyên vật liệu sản xuất chỉ sử dụng một lần và không thể tái chế nên không xây dựng kế hoạch tái chế.

II. TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG DÙNG CHO SẢN XUẤT TRONG NĂM:

STT	Tên NVL	ĐVT	Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019	
			Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
1	Điện	kW	4.986	11.467.800	21.728	32.592.760		
2	Trấu	kg	419.878	397.897.000	239.238	289.788.477	-	-

*** Phương án sử dụng năng lượng tiết kiệm:**

Giai đoạn cuối năm 2018, đầu năm 2019 Công ty đã ngừng việc sản xuất gạch nung đốt bằng lò thủ công truyền thống vì vậy đã ngừng thải tạp khí gây ô nhiễm môi trường. Hiện nay, Công ty tập trung vào mảng sản xuất gạch bê tông các loại. Để sản xuất gạch

bê tông các loại nguồn năng lượng chủ yếu là điện, nước (không đáng kể). Trước bối cảnh hiện nay, Công ty đã xây dựng phương án bố trí nhân sự phù hợp với vị trí từng giai đoạn sản xuất nhằm nâng cao tối đa năng suất sản xuất, tuy nhiên vẫn thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng, bảo trì máy móc thiết bị không để máy hoạt động quá công suất quy định. Việc này được toàn bộ nhân viên, công nhân tại xưởng sản xuất chấp hành nghiêm chỉnh, có kiểm tra, giám sát liên tục.

III. CÁC CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Có chế độ bồi dưỡng, lương làm thêm đối với nhân viên, công nhân đang làm việc tại Công ty (bằng tiền hoặc hiện vật) tùy vào nhu cầu công việc từng giai đoạn;

Hàng năm Công ty có tập huấn nghiệp vụ kỹ thuật an toàn - vệ sinh lao động;

Tham gia đầy đủ các chế độ bảo hiểm cho toàn thể người lao động (bao gồm BHXH, BHYT, BHTN, BH tai nạn con người...)

Chế độ làm việc: 08 giờ/ngày, 44 giờ/tuần

1. Chính sách lương, thưởng:

Công ty thực hiện chế độ tiền lương theo đúng quy chế tiền lương của Công ty; đảm bảo cho cán bộ nhân viên tại từng bộ phận khác nhau được hưởng thu nhập tương xứng với từng vị trí công việc được phân công. Chế độ thưởng cho cán bộ nhân viên được Ban Điều hành xây dựng dựa trên kết quả kinh doanh trình ĐHCĐ/HĐQT hàng năm quyết định mức thưởng phù hợp cho Ban Điều hành, cán bộ quản lý và từng cán bộ nhân viên của công ty.

Phối hợp với các tổ chức đoàn thể như công đoàn, chi đoàn tổ chức các buổi sinh hoạt, liên hoan lành mạnh cho cán bộ nhân viên được giải trí sau những giờ làm việc căng thẳng.

2. Chế độ bảo hiểm:

Người lao động tại Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre đều được tham gia các chế độ bảo hiểm theo đúng quy định hiện hành.

3. Chính sách tuyển dụng:

Hiện nay, Công ty đang trong giai đoạn tinh giảm biên chế nhằm tiết giảm chi phí tiền lương, đồng thời đánh giá năng lực của toàn bộ cán bộ nhân viên, bố trí đúng người đúng việc, phát huy hết năng suất lao động của người lao động. Do đó, công ty mở rộng các tiêu chí tuyển dụng hơn so với những năm trước đây, nhằm tuyển chọn những người có năng lực thực sự vào làm việc tại công ty.

IV. TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG:

Là đơn vị hoạt động trên địa bàn tỉnh Bến Tre, VXB luôn phối hợp cùng các cơ quan, ban ngành tại địa phương cung ứng đầu vào cho các dự án hạ tầng, phục vụ cộng đồng, các dự án an sinh xã hội trong khu vực.

Đồng thời cung cấp nguyên liệu ổn định, chấp lương cho các công trình và cho nhu cầu nhà ở của người dân Bến Tre. Ban Điều hành Công ty tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức đoàn thể làm tốt công tác giáo dục chính trị, phổ biến chủ trương, chính sách của Nhà nước cho cán bộ nhân viên. Tham gia hỗ trợ, ủng hộ các phong trào gây quỹ vì trẻ thơ, chất độc màu da cam,....

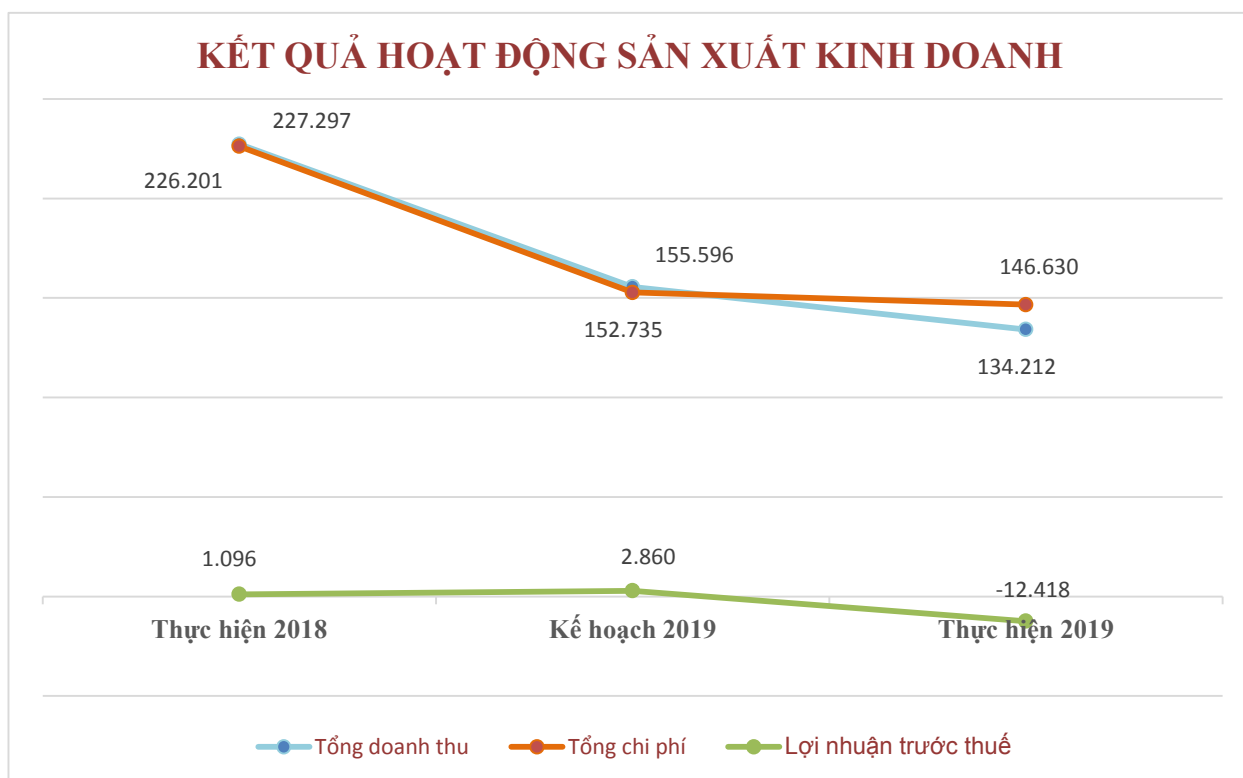
V. TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ MÔI TRƯỜNG: Công ty luôn tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường, xử lý chất thải, rác thải đúng theo qui định hiện hành để tránh phát sinh vấn đề khiếu nại về môi trường.

CHƯƠNG 5: BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

(ĐVT: ngàn đồng)

Chỉ tiêu	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2018	So sánh (%)	
				TH2019 / TH2018	TH2019 / KH2019
Tổng doanh thu	134.212.159	155.596.020	227.297.712	59%	86%
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	131.281.050	136.960.882	226.722.877	58%	96%
Thu nhập khác	2.828.365	18.583.080	545.576	518%	15%
Thu nhập hoạt động tài chính	102.745	52.058	29.259	351%	197%
Tổng chi phí	146.630.633	152.735.428	226.201.480	65%	96%
Lợi nhuận trước thuế	(12.418.474)	2.860.592	1.096.232	-1.133%	-434%
Nộp ngân sách	3.763.743	4.000.000	18.862.760	21%	94%



Tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2019 hết sức khó khăn do chịu ảnh hưởng lớn từ các nguyên nhân chính như sau:

➤ Việc mất cân đối tài chính từ các năm trước do tình hình dư nợ phải thu ở mức cao, tiềm ẩn rủi ro chậm thu hồi, không thu hồi được. Hệ quả là Công ty thiếu vốn cho SXKD phải vay Ngân hàng với dư nợ lớn, chi phí lãi vay cao.

➤ Các khoản chi phí hạch toán không đúng, đủ của các năm trước phải xử lý, đưa vào hạch toán của năm nay.

* Hóa đơn của đối tác cung cấp vật tư cho đội thi công công trình các năm trước được hạch toán trích chi phí nhưng chưa đưa vào công nợ phải trả nhà cung cấp. Năm 2019 đã đưa hạch toán công nợ và thanh toán khoảng 12 tỷ đồng đã ảnh hưởng lớn đến dòng tiền hoạt động của Công ty trong năm 2019

* Chi phí mua hàng treo lại của các năm trước: đưa vào hạch toán năm 2019 là 700 triệu đồng.

➤ Bộ máy công kênh, kém hiệu quả dẫn đến chi phí quản lý gián tiếp rất cao.

➤ Tài sản lạc hậu, tỷ lệ không cần dùng cao nhưng phải trích khấu hao, tổn kém chi phí sửa chữa, bảo quản...

Để khắc phục tình trạng, HĐQT đã sắp xếp lại nhân Ban điều hành mới thay thế Ban điều hành cũ và thực hiện ngay Đề án tái cơ cấu toàn diện Công ty giai đoạn 2019 – 2023 trên nhiều lĩnh vực: nhân sự, sản xuất, kinh doanh, tài chính... hướng đến mục tiêu: lành mạnh hóa tài chính, cắt giảm chi phí, hạch toán đúng đủ tạo tiền đề ổn định SXKD, từng bước đạt tỷ suất lợi nhuận bình quân của ngành hàng, đạt tỷ lệ cổ tức kỳ vọng của cổ đông cho các năm kế tiếp.

Năm 2019: do Công ty tập trung tái cơ cấu hoạt động, xử lý tài chính, sắp xếp bộ máy nên hoạt động sản xuất kinh doanh bị ảnh hưởng:

- Doanh thu giảm mạnh dẫn đến lợi nhuận gộp giảm mạnh trong khi định phí (khấu hao, lương + bảo hiểm, chi phí lãi vay, chi phí quản lý...) theo lộ trình Đề án tái cơ cấu vẫn còn ở mức cao.

- Kế hoạch thanh lý tài sản (Tòa nhà văn phòng tại Khu TĐC Mỹ Thạnh An) theo đề án tái cơ cấu không thực hiện kịp trong năm 2019 cũng ảnh hưởng đến kết quả thực hiện năm 2019 (lợi nhuận thanh lý theo KH2019 khoảng 10 tỷ đồng)

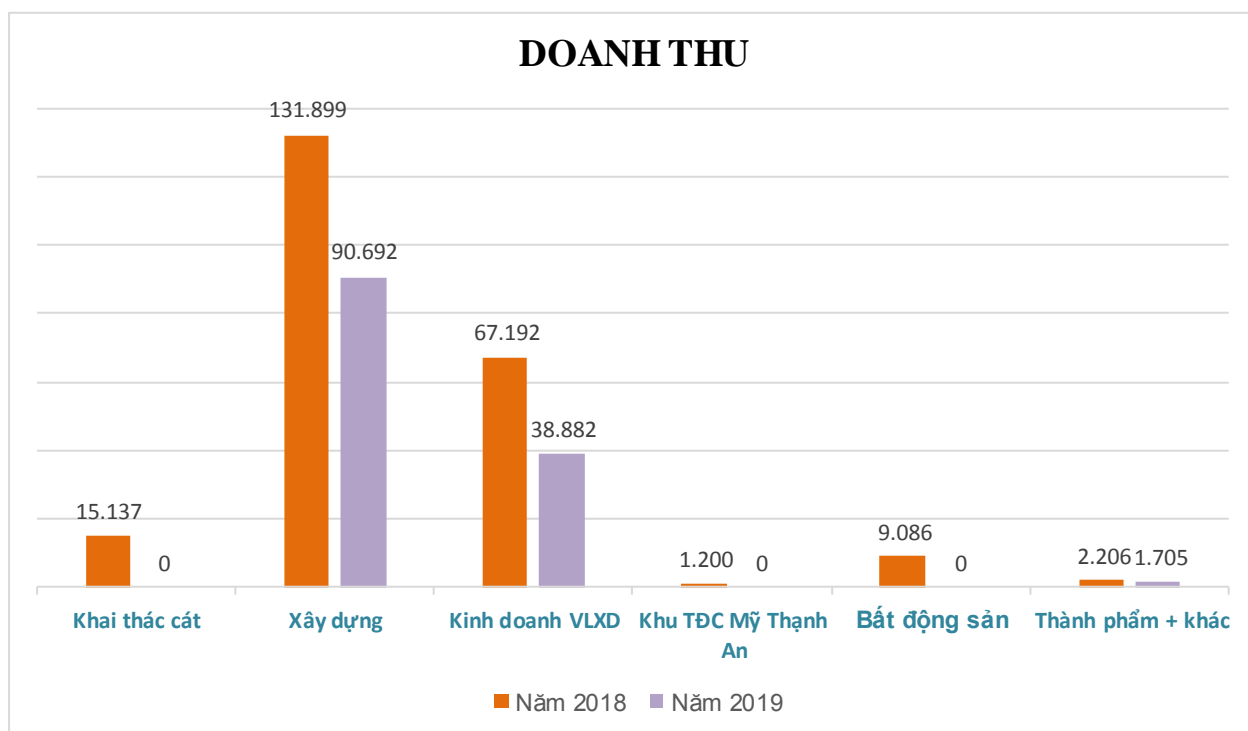
*** PHÂN TÍCH NGUYÊN NHÂN LỖ NĂM 2019:**

☆ Về doanh thu:

(ĐVT: ngàn đồng)

Nội dung	Năm 2019	Năm 2018	Chênh lệch
- Doanh thu khai thác cát	-	15.137.905	-15.137.905
- Doanh thu xây dựng	90.692.862	131.899.109	-41.206.247
- Doanh thu KD VLXD	38.882.994	67.192.575	-28.309.581

Nội dung	Năm 2019	Năm 2018	Chênh lệch
- Doanh thu tái định cư MTA	-	1.200.640	-1.200.640
- Doanh thu BĐS đầu tư	-	9.086.192	-9.086.192
- Thành phẩm + Khác	1.705.193	2.206.454	-501.261
Cộng	131.281.049	226.722.875	-95.441.826



Trong năm 2019 tổng doanh thu so với cùng kỳ năm 2018 giảm: 95.441.827.403đ tương ứng 42% chủ yếu do các nguyên nhân sau:

➤ **Doanh thu khai thác cát:**

- Năm 2019 do không trúng đấu giá được các mỏ cát nên hoạt động khai thác cát không còn đã làm giảm doanh thu 15 tỷ đồng so năm 2018.

➤ **Doanh thu thi công xây dựng:**

- Doanh thu thi công xây dựng cũng sụt giảm 41.2 tỷ đồng \Rightarrow 31,24% do các nguyên nhân sau:

+ Năm 2019 công ty có trúng thầu một số công trình nhưng chủ đầu tư chưa giải quyết xong việc giải phóng mặt bằng nên không thể tiến hành thi công nên không lên doanh thu trong năm.

+ Số lượng các công trình trúng thầu 2019 giảm so với 2018 là kéo giảm doanh thu năm.

+ Do tình hình tài chính công ty thời gian qua gặp nhiều khó khăn, vật tư chủ yếu mua bằng tiền mặt, do đó thiếu hụt vốn để mua hàng hóa vật tư cung cấp cho công trình nên không lên kịp khối lượng đã làm giảm doanh thu năm.

+ Một số công trình trúng thầu rơi vào thời điểm cuối năm nên trong năm 2019 chưa kịp lên khối lượng-> chưa có doanh thu.

Từ các nguyên nhân khách quan lẫn chủ quan nêu trên đã làm cho tổng doanh thu xây dựng giảm mạnh đã ảnh hưởng lớn đến tổng doanh thu toàn công ty.

➤ **Doanh thu kinh doanh VLXD**

- Về kinh doanh vật liệu xây dựng: giảm so với năm 2018 là 28 tỷ đồng (giảm 42%). Nguyên nhân: trong năm 2019 doanh thu chủ lực là mặt hàng xi măng nhưng việc tiêu thụ xi măng cũng giảm mạnh so với 2018 do:

+ Nhà phân phối ngày càng nhiều, thị phần ngày càng thu hẹp, mất nhiều khách hàng, có nhiều đối thủ cạnh tranh hơn.

+ Chủ trương năm 2019 của công ty là bán hàng an toàn theo hạn mức nợ cho phép (công ty đã xây dựng lại hạn mức nợ mới phù hợp với tình hình thực tế về năng lực tài chính của khách hàng và tài chính của Công ty) dẫn đến làm giảm lượng khách hàng, giảm doanh thu so với các năm trước.

+ Nguồn tài chính của công ty trong năm qua gặp rất nhiều khó khăn, chủ yếu là sử dụng nguồn vốn vay, điều này cũng ảnh hưởng lớn đến việc nhập hàng về để tiêu thụ.

+ Ngoài ra, các ngành hàng khác như hoạt động sản xuất sản phẩm: gạch , tole và gò....cũng giảm, hoạt động sản xuất gạch nung đã ngừng trong Quý 3/2019.

➤ **Doanh thu Tái định cư Mỹ Thạnh An:**

Trong năm 2018 doanh thu Tái định cư Mỹ Thạnh An phần còn lại là: 1,2 tỷ đồng (đã bán hết trong năm 2018).

➤ **Doanh thu bất động sản giảm:** do năm 2019 không phát sinh

☆ **Về chi phí:**

Mặc dù tổng doanh thu năm 2019 giảm 41% so với cùng kỳ, tuy nhiên tổng chi phí chỉ giảm 35% (*không tương ứng với giảm doanh thu*) nên phát sinh lỗ năm 2019.

Trong đó có một số chi phí (*giá vốn*) giảm tương ứng với doanh thu nhưng cũng có những chi phí không phụ thuộc vào doanh thu như:

- Chi phí khấu hao: tuy các phương tiện vận tải không có doanh thu nhưng vẫn phải trích khấu hao đều đặn hàng năm (*trừ các phương tiện đã thanh lý*).

- Chi phí trợ cấp thôi việc phát sinh năm 2019 là: 1,04 tỷ đồng (*đã phân bổ hết*)

- Tiền thuê đất: 1.1 tỷ đồng

+ Tiền thuê đất năm 2019: 463.5 triệu đồng

+ Tiền thuê đất bị truy thu phải nộp bổ sung từ năm 2015 đến 2018: 641 triệu đồng (*nộp theo kiến nghị của kiểm toán nhà nước đã kiểm toán cục thuế*) => đã phân bổ vào chi phí hết trong năm 2019.

- Chi phí hoàn nguyên mỏ cát còn lại: 400 triệu đồng (*còn chờ kết luận của Thanh tra chính phủ nên chưa hoàn tất thủ tục đóng cửa mỏ*)

- Trích dự phòng phải thu khó đòi: 3,67 tỷ đồng, đã hoàn nhập 751 triệu đồng => tăng chi phí quản lý 2,92 tỷ đồng

- Thanh lý hàng hóa mất phẩm chất (*hàng trang trí nội thất*): 508 triệu đồng

- Chi phí lãi vay 2019 so 2018 chỉ giảm: 583.096.487 đồng tương ứng 8%, điều này có nghĩa là trong năm 2019 công ty chưa giảm được dư nợ vay.

Nếu các khoản chi phí trên không phân bổ hết trong năm 2019 thì kết quả kinh doanh sẽ lỗ khoảng 8,2 tỷ nhưng do phân bổ hết các chi phí trên nên kết quả cuối cùng lỗ 12,2 tỷ, phân bổ thêm 4 tỷ bao gồm:

+ Trích dự phòng: 2,4 tỷ

+ Phí hoàn nguyên: 400 triệu

+ Tiền thuê đất 600 triệu

+ Trợ cấp thôi việc: 600 triệu.

- Bên cạnh việc chi phí chưa được cắt giảm thì ngoài ra lợi nhuận mảng thi công xây dựng cũng sụt giảm do các năm qua công ty tạm ước lợi nhuận mảng này theo tỷ lệ khoảng 8% đến 9% nhưng thực tế là 7,3%.

*** BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC:**

Qua kết quả kinh doanh cả năm 2019 trên ta thấy nguyên nhân dẫn đến lợi nhuận lỗ hơn 12 tỷ là do cả nguyên nhân khách quan và chủ quan. Ngoài những nguyên nhân khách quan ngoài tầm kiểm soát của công ty còn có những nguyên nhân chủ quan nội tại của Công ty cần khắc phục nhằm giảm thiểu tối đa các chi phí nhằm từng bước cân đối lại doanh thu – chi phí cho các năm kế tiếp.

➤ Điều chỉnh mảng kinh doanh vật liệu xây dựng: nên kinh doanh những mặt hàng chủ lực: xi măng, cát, đá, sắt thép... loại bỏ kinh doanh những mặt hàng kém hiệu quả, củng cố lại thị trường, chủ yếu là thị trường tiêu thụ xi măng.

➤ Tăng cường việc quản lý công nợ, thu hồi tốt công nợ bán hàng và các khoản nợ xấu, giảm nợ quá hạn, giảm khoản trích lập dự phòng, giảm chi phí quản lý doanh nghiệp.

➤ Đẩy mạnh công tác đấu thầu các công trình xây dựng, tăng tỷ lệ trúng thầu sẽ tăng thu tạm ứng theo hợp đồng của các chủ đầu tư, tạo nguồn trả nợ vay ngân hàng và cân đối vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Năm 2020 nếu số lượng công trình xây dựng công ty trúng thầu không đạt theo kế hoạch dự kiến thì công ty sẽ thiếu nguồn vốn như trên và tài chính của công sẽ bị mất cân đối trầm trọng.

➤ Bố trí lại nhân sự theo hướng tinh gọn, chất lượng, hiệu quả gắn liền với thu nhập của người lao động.

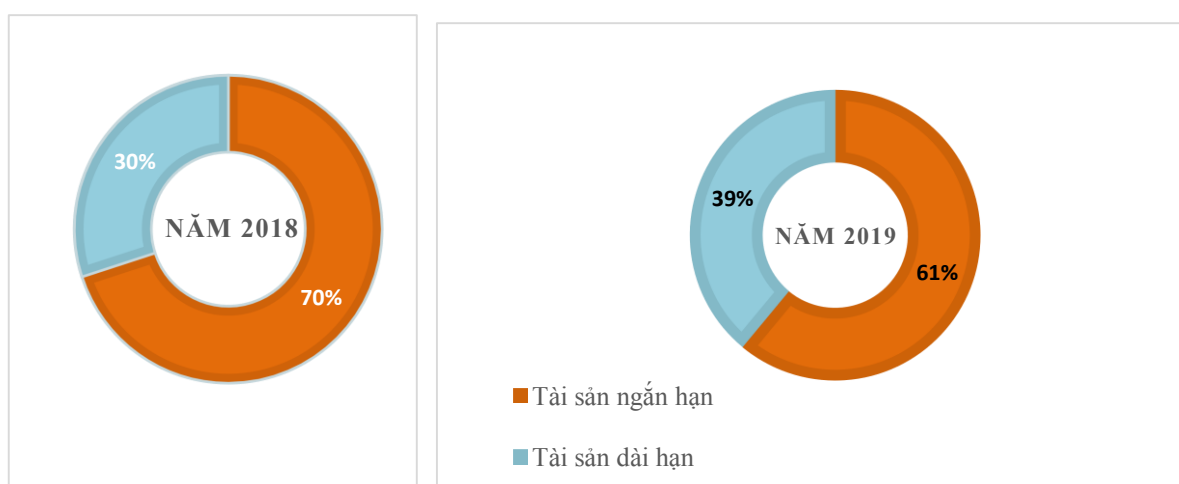
➤ Tiếp tục thanh lý tài sản cố định không cần dùng, kém hiệu quả, chi phí sửa chữa cao nhằm tạo nguồn thu, giảm dư nợ vay ngân hàng, giảm lãi vay, cung cấp vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH:

1. Tình hình tài sản:

(ĐVT: triệu đồng)

Khoản mục	31/12/2019		31/12/2018		So sánh (+/-)	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Tài sản ngắn hạn	98.887	61%	142.922	70%	(44.035)	-31%
Tài sản dài hạn	63.947	39%	62.028	30%	1.920	3%
Tổng tài sản	162.834	100%	204.950	100%	(42.115)	-21%



Năm 2019, tài sản ngắn hạn của VXB giảm 31% so với năm 2018 do công ty tăng cường thu hồi nợ phải thu (*giảm 58,5 tỷ đồng*) nhưng hàng tồn kho tăng 16,5 tỷ đồng so 2018 do một số công trình xây dựng dở dang chưa quyết toán được trong năm 2019. Về tài sản dài hạn không biến động nhiều so với năm 2018 nên về cơ cấu trên tổng tài sản: tỷ lệ tài sản ngắn hạn (61%) giảm 9% so với năm 2018 và tài sản dài hạn (39%) tăng tương ứng.

2. Tình hình nợ phải trả:

(ĐVT: triệu đồng)

Khoản mục	31/12/2019		31/12/2018		So sánh (+/-)	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Nợ ngắn hạn	111.502	68%	136.927	67%	(25.425)	-19%
Nợ dài hạn	3.944	2%	8.216	4%	(4.271)	-52%
Tổng nợ phải trả	115.446	71%	145.143	71%	(29.697)	-20%

Năm 2019, tổng nợ phải trả của công ty giảm 20% so năm 2018. Trong đó, nợ ngắn hạn giảm 19% (25,45 tỷ đồng) chính là nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi tổng nợ do khoản phải trả người bán ngắn hạn giảm 11 tỷ đồng và khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn giảm 14 tỷ đồng cho thấy mức độ chiếm dụng vốn từ đốc tác giảm. Nợ dài hạn giảm 4,2 tỷ đồng do chuyển từ nợ dài hạn tới hạn trả sang nợ ngắn hạn.

III. NHỮNG CẢI TIẾN TRONG NĂM 2020:

1. Cải cách về cơ cấu tổ chức:

Cơ cấu tổ chức không thay đổi nhưng tập trung vào tinh gọn bộ máy tối đa nhằm tăng năng suất lao động, tăng thu nhập từng cá nhân, giảm tổng quỹ tiền lương, bảo hiểm...

2. Chính sách quản lý - điều hành:

✓ Cải cách chính sách quản lý theo hướng khoán thu nhập gắn liền với sản lượng, doanh thu, định mức lại chi phí SXKD nhằm gia tăng tăng doanh số, tiết giảm tối đa chi phí

✓ Phân cấp phân quyền, phân trách nhiệm cụ thể cho từng cấp quản lý. Họp giao ban định kỳ, đột xuất nhằm ra quyết định nhanh chóng, kịp thời.

✓ Áp dụng công nghệ thông tin vào hỗ trợ quản lý điều hành giảm thiểu báo cáo giấy tờ...

3. Chiến lược phát triển sản phẩm:

• Thực hiện chiến lược mở rộng thị trường và bán hàng linh động theo diễn biến thị trường nhưng đảm bảo chính sách thu nợ luân chuyển nhanh, không để nợ chậm thu, khó đòi.

• Nâng cao chất lượng, tiến độ thực hiện công trình để đảm bảo uy tín trên thị trường xây dựng.

• Đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án bất động sản để thu hồi vốn đầu tư và sinh lợi.

4. Cách thức quảng bá thương hiệu:

➢ Quảng bá sản phẩm trên các phương tiện truyền thông phổ biến, tiếp cận nhanh với đại lý, người tiêu dùng...

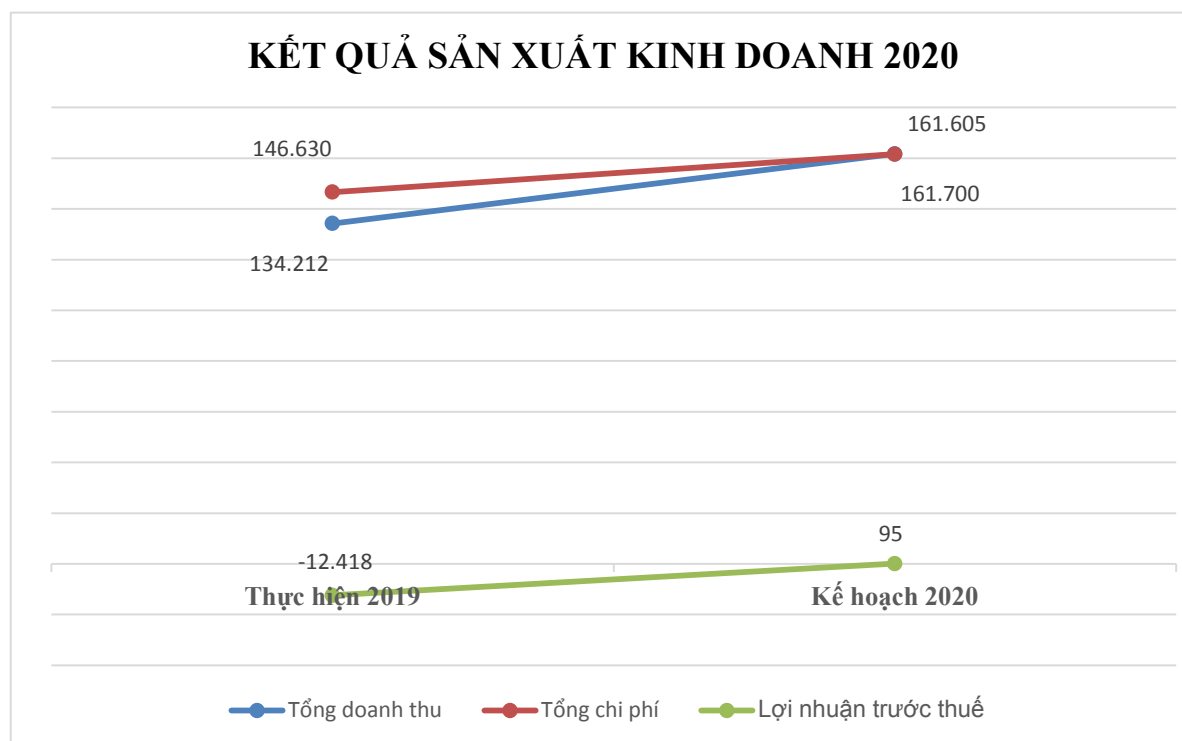
➢ Tài trợ sự kiện, quảng cáo báo chí chuyên ngành..

IV. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2020: Trên cơ sở Đề án tái cơ cấu toàn diện Công ty giai đoạn 2019 – 2023 kết hợp với việc đánh giá tình hình thực tế về thị trường phù hợp với mục tiêu của Đề án và năng lực quản lý, năng lực tài chính của Công ty với các giải pháp cải tiến đã nêu tại mục C. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 được xây dựng trên cơ sở kiểm soát, cắt giảm tối đa định phí theo sát tình hình của Công ty, không tính đến kế hoạch thanh lý tài sản cố định nhằm bảo đảm cân đối giữa doanh thu và chi phí của các ngành hàng chủ lực của Công ty, từng bước ổn định sản xuất kinh doanh và phân đầu có lãi qua các năm sau.

Ban Giám Đốc công ty đề ra các chỉ tiêu kế hoạch 2020 như sau:

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019*(ĐVT: ngàn đồng)*

CHỈ TIÊU	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2019	Kế hoạch 2020	So sánh (%)	
				TH2019 / KH2019	KH 2020 / TH2019
Tổng doanh thu	134.212.159	155.596.020	161.700.703	86%	120%
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	131.281.050	136.960.882	159.937.067	96%	122%
Thu nhập khác	2.828.365	18.583.080	1.713.636	15%	61%
Thu nhập hoạt động tài chính	102.745	52.058	50.000	197%	49%
Tổng chi phí	146.630.633	152.735.428	161.305.406	96%	110%
Lợi nhuận trước thuế	(12.418.474)	2.860.592	395.297	-434%	-3%
Nộp ngân sách	3.763.743	4.000.000	4.000.000	94%	106%



1. Kinh doanh vật liệu xây dựng:*(ĐVT: ngàn đồng)*

CHỈ TIÊU	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2019	Kế hoạch 2020	So sánh (%)	
				TH2019/ KH2019	KH 2020 /TH2019
Tổng doanh thu	39.090.741	40.668.011	42.701.411	96%	109%
Tổng chi phí	45.509.005	44.319.887	42.689.323	103%	94%
Lợi nhuận trước thuế	(6.418.264)	(3.651.876)	12.088	176%	(0,2)%

✓ Nhanh chóng cải tiến các chính sách bán hàng và quản lý công nợ theo hướng vừa ổn định doanh thu và thu hồi nợ, luân chuyển vốn một cách lành mạnh.

✓ Tăng cường khâu chăm sóc khách hàng nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng ở tất cả các khâu trước, trong và sau bán hàng.

✓ Cải tiến chính sách trả lương, thưởng cho người lao động gắn chặt với sản lượng sản xuất – tiêu thụ - doanh số hàng hàng nhằm kích thích người lao động phát huy sáng kiến, cải tiến phương pháp làm việc, tăng năng suất lao động.

2. Hoạt động thi công san lấp xây dựng:*(ĐVT: triệu đồng)*

CHỈ TIÊU	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2019	Kế hoạch 2020	So sánh (%)	
				TH2019 / KH2019	KH 2020 /TH2019
Tổng doanh thu	90.453.485	94.539.535	116.315.034	96%	129%
Tổng chi phí	95.960.254	96.212.796	116.131.851	100%	121%
Lợi nhuận trước thuế	(5.506.769)	(1.673.261)	183.183	329%	(3)%

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre xác định lĩnh vực thi công xây dựng vẫn là lĩnh vực chủ lực mang về doanh thu và lợi nhuận trong thời gian tới. Công ty sẽ chú trọng thực hiện các nhiệm vụ, đề ra các giải pháp trong thời gian tới để hoạt động thi công xây dựng phát huy hiệu quả tốt nhất trong tình hình cạnh tranh gay gắt của thị trường xây dựng hiện nay, cụ thể như sau:

✓ Cải tiến công tác dự thầu từ khâu cập nhật thông tin mời thầu, lập hồ sơ dự thầu... trong ngoài tỉnh một cách nhanh chóng, chính xác nhằm ổn định và gia tăng doanh thu xây dựng nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả lợi nhuận của thi công .

✓ Lập kế hoạch cung ứng kịp thời cho các công trình thi công đúng tiến độ, dự báo giá cả vật liệu xây dựng, nhân công ... hạn chế tình trạng bị đội giá làm giảm lợi nhuận Công trình.

✓ Quản lý chi phí, tài chính và xây dựng kế hoạch phân bổ vốn cho từng công trình theo từng thời điểm phù hợp với tình hình tài chính của đơn vị.

✓ Xây dựng các biện pháp quản lý tiến độ thi công, chất lượng công trình. Tăng cường công tác phối hợp giữa các bộ phận để lập kế hoạch sử dụng vật tư ngắn hạn, trung hạn, dài hạn sát theo tiến độ thi công. Việc làm này không những tạo sự chủ động trong việc cung cấp vật tư mà còn hạn chế phát sinh tăng giá vật tư của các công trình.

✓ Cải tiến công tác quyết toán nội bộ, quyết toán với chủ đầu tư ... nhằm rút ngắn thời gian giải ngân, quyết toán các công trình, đảm bảo vốn luân chuyển phục vụ thi công.

3. Hoạt động sản xuất gạch Terrazzo Đồng Khởi:

(ĐVT: triệu đồng)

CHỈ TIÊU	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2019	Kế hoạch 2020	So sánh (%)	
				TH2019 / KH2019	KH 2020 /TH2019
Tổng doanh thu	857.542	916.041	920.622	94%	107%
Tổng chi phí	859.928	861.159	795.150	100%	92%
Lợi nhuận trước thuế	(2.386)	54.883	125.471	-4%	-5.259%

Cải tiến công tác tiếp thị đảm bảo đầu ra cho sản phẩm, đáp ứng kịp thời nhu cầu sử dụng nội bộ của các công trình của Công ty.

Lập kế hoạch sản xuất chặt chẽ, hợp lý từ khâu nhập nguyên vật liệu, tổ chức sản xuất, bảo quản, giao nhận.. và đảm bảo sản phẩm đạt chất lượng tốt nhất khi xuất xưởng.

Cải tiến chính sách tiền lương gắn chặt thu nhập của người lao động vào sản lượng, chất lượng của sản phẩm nhằm tăng năng suất lao động, cải tiến kỹ thuật, nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm, tạo vị thế vững chắc của sản phẩm gạch Terrazzo Đồng Khởi tại thị trường trong và ngoài tỉnh.

V. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI:

- Công ty cam kết triển khai và thực hiện công tác bảo vệ môi trường, tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường đối với tất cả các bộ công nhân viên trong quá trình làm việc tại Công ty. Các công tác giám sát và xử lý chất thải được Công ty quan tâm và áp dụng phòng chống và xử lý kịp thời. Do đó, trong năm 2019: Công ty không có trường hợp vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Bên cạnh đó, Công ty cũng bảo đảm đào tạo chuyên ngành, chăm lo sức khỏe và khuyến khích nhân viên làm việc, phản hồi và chia sẻ nguyện vọng hay đóng góp các ý kiến đổi mới; đảm bảo việc làm và duy trì ổn định mức thu nhập trong tình hình kinh tế khó khăn hiện nay.

- Công ty trích quỹ và vận động cán bộ công nhân viên đóng góp vào quỹ địa phương, giúp đỡ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn; tổ chức các đợt công tác xã hội; ủng hộ khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, xây nhà tình nghĩa, cầu đường, giao thông nông thôn, nuôi dưỡng mẹ Việt Nam anh hùng hỗ trợ người nghèo tỉnh Bến Tre đi vùng kinh tế mới, ủng hộ quỹ khuyến học....

CHƯƠNG 6: BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH:

(ĐVT: đồng)

STT	Chỉ tiêu	TH2018	KH2019	TH2019	So sánh (%)	
					TH2019/T H2018	TH2019/ KH2019
1	Tổng doanh thu	227.886.133.875	155.596.020.053	134.451.535.914	(41%)	(13,6%)
a	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	226.722.877.087	136.960.882.008	131.520.426.299	(42%)	(4%)
b	Thu nhập khác	29.258.582	18.583.080.367	2.828.364.581	95,6%	(85%)
c	Thu nhập hoạt động tài chính	1.133.998.206	52.057.678	102.745.034	(90,9%)	97%
2	Tổng chi phí	226.451.814.503	152.735.428.062	146.870.009.784	(35,1%)	(3,84%)
3	LNTT	1.434.319.372	2.860.591.991	(12.418.473.870)	(965,8%)	(532%)
4	Nộp ngân sách	18.541.474.483	3.232.343.984	5.967.942.360	(67,8%)	84,6%

➤ Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh và tổng chi phí đều giảm số liệu lần lượt như sau: doanh thu giảm 4% so với kế hoạch và giảm 42% so với thực hiện năm 2018; tổng chi phí giảm 3,84% và giảm 35,1% so với thực hiện năm 2018. Bên cạnh việc doanh thu giảm, chi phí cũng giảm nhưng giảm chưa đáng kể dẫn đến việc năm 2019 lỗ 12 tỷ đồng.

➤ Đã được phê duyệt thông qua đề án tái cơ cấu công ty giai đoạn 2019 - 2020.

II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

1. Định hướng chung:

Ngắn hạn: Tập trung xử lý công nợ phải thu, đẩy nhanh tiến độ thu hồi vốn tại dự án Phú Tân, xây dựng phương án tái cơ cấu toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty Công ty.

Dài hạn: trở thành nhà thầu thi công xây dựng và dự án hàng đầu tỉnh Bến Tre.

2. Kế hoạch hoạt động năm 2020:

2.1 Về chỉ tiêu tài chính

(ĐVT: đồng)

STT	Chỉ tiêu	KH2019	TH2019	KH2020	So sánh (%)	
					KH2020/ KH2019	KH2020/ TH2019
1	Tổng doanh thu	155.596.020.053	134.451.535.914	161.700.703.000	3,92	20,27
2	LNTT	2.860.591.991	(12.418.473.870)	395.297.000	(96,67)	103%

2.2 Hoạt động chung:

- Tiếp tục chỉ đạo, kiểm tra giám sát hoạt động của Ban Điều hành theo quy định và tổ chức họp định kỳ để thảo luận và đưa ra chỉ đạo kịp thời cho hoạt động điều hành.
- Đơn đốc thu hồi công nợ phải thu khó đòi: đối với những khách hàng cố tình không thanh toán thì nhờ cơ quan pháp lý can thiệp để xử lý dứt điểm, đồng thời rà soát phê duyệt tờ trình về xử lý trách nhiệm cá nhân, tập thể liên quan đến các công nợ phải thu của Công ty.
- Theo sát và chỉ đạo kịp thời đối với việc triển khai thực hiện dự án Phú Tân.

CHƯƠNG 7: BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY:**I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:****1. Danh sách thành viên HĐQT:**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu tham gia HĐQT	Ngày không còn tham gia HĐQT	Ghi chú
1	Mai Thị Thanh Thủy	Chủ tịch HĐQT	15/06/2018		
2	Phan Quốc Thông	Thành viên HĐQT	15/06/2018	31/05/2019	Miễn nhiệm theo NQ ĐHCĐ thường niên năm 2019
3	Nguyễn Thanh Huy	Thành viên HĐQT	15/06/2018	31/05/2019	Miễn nhiệm theo NQ ĐHCĐ thường niên năm 2019
4	Nguyễn Văn Thạnh	Thành viên HĐQT	15/06/2018		
5	Lê Đình Nhiên	Thành viên HĐQT	15/06/2018		
6	Nguyễn Hoài Yên	Thành viên HĐQT		31/05/2019	Bổ nhiệm theo NQ ĐHCĐ thường niên năm 2019
7	Phạm Tường Vi	Thành viên HĐQT		31/05/2019	Bổ nhiệm theo NQ ĐHCĐ thường niên năm 2019

1.2 Lý lịch thành viên HĐQT:**Bà Mai Thị Thanh Thủy - Chủ tịch HĐQT:**

Năm sinh	1981
Nơi sinh	Hải Phòng
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Kinh doanh quốc tế
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	769.311 cổ phiếu
• Số cổ phần cá nhân sở hữu	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
• Số cổ phần đại diện sở hữu	769.311 cổ phiếu, chiếm 19% vốn điều lệ

Ông Nguyễn Văn Thạnh - Thành viên HĐQT:

Năm sinh	1957
Nơi sinh	Bến Tre
Trình độ chuyên môn	Trung cấp cơ khí
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	49.301 cổ phiếu
• <i>Số cổ phần cá nhân sở hữu</i>	49.301 cổ phiếu, chiếm 1,22% vốn điều lệ
• <i>Số cổ phần đại diện sở hữu</i>	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Ông Lê Đình Nhiên - Thành viên HĐQT:

Năm sinh	1962
Nơi sinh	Thanh Hóa
Trình độ chuyên môn	Không có
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	57.937 cổ phiếu
• <i>Số cổ phần cá nhân sở hữu</i>	57.937 cổ phiếu, chiếm 1,43% vốn điều lệ
• <i>Số cổ phần đại diện sở hữu</i>	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Bà Phạm Tường Vi - Thành viên HĐQT

Năm sinh	1980
Nơi sinh	Đà Nẵng
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Quản trị kinh doanh
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	699.331 cổ phiếu
• <i>Số cổ phần cá nhân sở hữu</i>	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
• <i>Số cổ phần đại diện sở hữu</i>	699.331 cổ phiếu, chiếm 17% vốn điều lệ

2. Các phiên họp của Hội đồng quản trị: trong năm 2019 Hội đồng quản trị đã tiến hành họp 20 phiên họp

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi tham dự họp	Tỉ lệ tham dự họp	Lý do vắng mặt
1	Mai Thị Thanh Thủy	Chủ tịch HĐQT	20	100%	
2	Phan Quốc Thông	Thành viên HĐQT	10	100%	Miễn nhiệm theo NQ ĐHCĐ thường niên năm 2019
3	Nguyễn Thanh Huy	Thành viên HĐQT	10	100%	Miễn nhiệm theo NQ ĐHCĐ thường niên năm 2019
4	Nguyễn Văn Thạnh	Thành viên HĐQT	20	100%	
5	Lê Đình Nhiên	Thành viên HĐQT	19	95%	Vắng 01 buổi do bận công tác
6	Nguyễn Hoài Yên	Thành viên HĐQT	10	100%	Bổ nhiệm theo NQ ĐHCĐ thường niên năm 2019
7	Phạm Tường Vi	Thành viên HĐQT	9	90%	Bổ nhiệm theo NQ ĐHCĐ thường niên năm 2019; Vắng 01 buổi do bận công tác

3. Các Quyết định/Nghị quyết:

STT	Số Nghị quyết /Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2019/NQ-HĐQT	01/03/2019	- Thông qua Quy chế quản lý tài chính Công ty
2	02/2019/QĐ-HĐQT	01/03/2019	- Ban hành Quy chế quản lý tài chính của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre
3	02/2019/NQ-HĐQT	20/03/2019	- Thống nhất cho thuê mặt bằng chợ Mỹ Thạnh An theo Tờ trình số 120/TTr-VLXD ngày 11/03/2019 của Giám đốc Công ty về việc xin phê duyệt giá cho thuê và phương thức đấu giá cho thuê mặt bằng chợ Mỹ Thạnh An.
4	03A/2019/NQ-HĐQT	02/04/2019	- Ngày đăng ký cuối cùng để tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 là 22/04/2019.

STT	Số Nghị quyết /Quyết định	Ngày	Nội dung
5	04/2019/NQ-HĐQT	26/04/2019	- Tổ chức ĐHCĐ thường niên năm tài khóa 2019: ❖ Thời gian khai mạc: 8 giờ 00 ❖ Địa điểm: Hội trường Trụ sở Văn phòng Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre Số 12 đường số 01 Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre
6	05/2019/NQ-HĐQT	27/04/2019	- Thống nhất phê duyệt tổng quỹ tiền lương thực hiện năm 2018 của người lao động và người quản lý.
7	06/2019/NQ-HĐQT	27/04/2019	- Miễn nhiệm chức vụ Giám đốc, người đại diện trước pháp luật, chủ tài khoản ngân hàng và người công bố thông tin đối với ông Phan Quốc Thông, kể từ ngày 01/05/2019 - Bỏ nhiệm chức vụ Giám đốc, người đại diện trước pháp luật, chủ tài khoản ngân hàng và người công bố thông tin đối với ông Nguyễn Hoài Yên, kể từ ngày 01/05/2019.
8	07/2019/NQ-HĐQT	27/04/2019	- Miễn nhiệm chức vụ Phó Giám đốc ông Nguyễn Thanh Huy, kể từ ngày 01/05/2019
9	11/QĐ-VLXD	27/04/2019	- Bỏ nhiệm ông Nguyễn Hoài Yên giữ chức vụ Giám đốc, người đại diện pháp luật. chủ Tài khoản ngân hàng và người công bố thông tin của Công ty cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre và các quy định pháp luật có liên quan, thời hạn 01 năm kể từ ngày 01/05/2019.
10	12/QĐ-VLXD	27/04/2019	- Miễn nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre đối với ông Phan Quốc Thông, kể từ ngày 01/05/2019
11	13/QĐ-VLXD	27/04/2019	- Miễn nhiệm chức vụ Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre đối với ông Nguyễn Thanh Huy, kể từ ngày 01/05/2019
12	08/2019/NQ-HĐQT	20/05/2019	- Thống nhất tài liệu ĐHCĐ năm 2019 của CTCP Vật liệu Xây dựng Bến Tre.

STT	Số Nghị quyết /Quyết định	Ngày	Nội dung
13	09/2019/NQ-HĐQT	19/06/2019	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất thông qua phân công nhiệm vụ trong HĐQT và kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2019. - Thống nhất thông qua Tờ trình số 65/2019/TTr.BGD ngày 14/06/2019 của Giám đốc Công ty v/v Thanh lý phương tiện vận tải không cần dùng và sử dụng không hiệu quả. Việc tổ chức nhượng bán, thanh lý tài sản của Công ty phải đảm bảo công khai minh bạch, tuân thủ quy chế nội bộ của Công ty và các quy định pháp luật.
14	10/2019/NQ-HĐQT	16/08/2019	Miễn nhiệm chức vụ Phó Giám đốc công ty đối với ông Lê Quốc Cường
15	11/2019/NQ-HĐQT	16/08/2019	Bổ nhiệm chức vụ Phó Giám đốc công ty trong thời hạn một năm kể từ ngày 16/08/2019 đối với ông Tô Văn Chương
16	12/2019/NQ-HĐQT	16/08/2019	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất tờ trình số 78/TTr-VLXD của Giám đốc Công ty về việc di dời văn phòng làm việc về địa chỉ 207D Nguyễn Đình Chiểu, xã Phú Hưng, Tp.Bến Tre - Thống nhất phê duyệt quỹ tiền lương kế hoạch năm 2019
17	13/2019/NQ-HĐQT	25/09/2019	Thông qua tờ trình số 94/2019/BC.BGD ngày 20/08/2019 của Giám đốc Công ty v/v Thanh lý phương tiện vận tải không cần dùng và sử dụng không hiệu quả.
18	14/2019/NQ-HĐQT	19/11/2019	Bổ nhiệm chức vụ Phó Giám đốc công ty trong thời hạn một năm kể từ ngày 19/11/2019 đối với ông Đinh Hoàng Vinh
19	15/2019/NQ-HĐQT	19/11/2019	Miễn nhiệm chức danh Kế toán trưởng Công ty đối với ông Phan Tấn Mỹ
20	16/2019/NQ-HĐQT	19/11/2019	Bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng Công ty trong thời hạn một năm kể từ ngày 19/11/2019 đối với bà Đỗ Thị Thu Trang
21	17/2019/NQ-HĐQT	22/11/2019	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất tài liệu trình ĐHCĐ bất thường năm 2019 - Thời gian tổ chức ĐHCĐ bất thường năm 2019: <ul style="list-style-type: none"> ❖ Thời gian khai mạc: 8 giờ 30 sáng ngày 03/12/2019 ❖ Địa điểm: Hội trường khu ẩm thực TTC - 547D Nguyễn Đình Chiểu - Xã Phú Hưng - Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

STT	Số Nghị quyết /Quyết định	Ngày	Nội dung
22	18/2019/NQ-HĐQT	16/12/2019	- Thông qua Tờ trình 142/2019/TT.HĐQT ngày 05/12/2019 v/v/ Thành lập Tiểu ban lương thưởng và Tiểu ban chiến lược kinh doanh thuộc HĐQT. - Thông qua Tờ trình 140/TTr-VLXD ngày 02/12/2019 v/v thanh lý xe cần trục tại kho Mỹ An.
23	31/2019/QĐ-HĐQT	16/12/2019	Quyết định thành lập tiểu ban tiền lương, thưởng thuộc HĐQT gồm các ông bà: 1. Ông Nguyễn Văn Thạnh - Thành viên HĐQT - Trưởng Ban 2. Ông Nguyễn Hoài Yên - Thành viên HĐQT, Giám đốc Cty 3. Ông Đinh Hoàng Vinh - Phó GD Cty 4. Bà Đỗ Thị Thu Trang - Kế toán trưởng 5. Bà Bùi Minh Lý - Phó Phòng Tổ chức - Hành chính 6. Ông Lê Nguyễn Hoàng Duy - Nhân viên PKD 7. Ông Cao Minh Nhật - Nhân viên PXD
24	32/2019/QĐ-HĐQT	16/12/2019	Quyết định thành lập tiểu ban chiến lược kinh doanh thuộc HĐQT gồm các ông bà: 1. Ông Nguyễn Hoài Yên - Thành viên HĐQT, GD Cty - Trưởng ban 2. Ông Đinh Hoàng Vinh - Phó GD Công ty 3. Ông Tô Văn Chương - Phó GD Công ty 4. Bà Đỗ Thị Thu Trang - Kế toán trưởng 5. Ông Bùi Văn Dũng - Phó PKD 6. Ông Lê Nguyễn Hoàng Duy - Nhân viên PKD 7. Ông Phạm Điền Nguyên - Trưởng PXD

4. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Ngày 16/12/2019 Hội đồng quản trị ban hành quyết định thành lập 02 tiểu ban gồm có:

- + Tiểu ban tiền lương, thưởng
- + Tiểu ban chiến lược kinh doanh

Với mục tiêu phụ việc cho Hội đồng quản trị Công ty nghiên cứu các vấn đề về nhân sự, lương thưởng, kế hoạch kinh doanh, chiến lược marketing,.....Bước đầu các tiểu ban lập kế hoạch, báo cáo Hội đồng quản trị về tiến độ thực hiện.

II. BAN KIỂM SOÁT:**1. Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát:**

S T T	Họ và tên	Chức vụ	Ngày tham gia BKS	Ngày không còn tham gia BKS	Ghi chú
1	Huỳnh Hữu Phúc	Trưởng BKS	15/06/2018	31/05/2019	Miễn nhiệm theo NQ ĐHCĐ thường niên năm 2019
2	Đỗ Thị Kim Anh	Thành viên BKS	15/06/2018		
3	Lê Thị Kim Nuông	Trưởng BKS	15/06/2018	31/05/2019	Bổ nhiệm theo NQ ĐHCĐ thường niên năm 2019
4	Vi Kim Phúc	Thành viên BKS	31/05/2019	03/12/2019	Miễn nhiệm theo NQ ĐHCĐ bất thường năm 2019
5	Huỳnh Thị Huệ Thư	Thành viên BKS	03/12/2019		Bổ nhiệm theo NQ ĐHCĐ bất thường năm 2019

*** Lý lịch của các thành viên Ban Kiểm soát:****Bà Lê Thị Kim Nuông - Trưởng Ban Kiểm soát**

Năm sinh	1961
Nơi sinh	Bến Tre
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kế toán
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	65.837 cổ phiếu, chiếm 1,63% vốn điều lệ
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Bà Đỗ Thị Kim Anh - Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh	1973
Nơi sinh	Hải Phòng
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kế toán
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	0 cổ phiếu, chiếm 1,63% vốn điều lệ
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Bà Huỳnh Thị Huệ Thu - Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh	1992
Nơi sinh	Bến Tre
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính - Ngân hàng
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

2. Các phiên họp của Ban Kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi tham dự họp	Tỉ lệ tham dự họp	Lý do vắng mặt
1	Ông Huỳnh Hữu Phúc	Trưởng ban	02	50%	Từ nhiệm theo NQ ĐHĐCĐ năm 2019
2	Bà Đỗ Thị Kim Anh	Thành viên	07	100%	
3	Bà Lê Thị Kim Nuông	Trưởng ban	07	100%	
4	Bà Văn Kim Bình	Thành viên	01	25%	Từ nhiệm theo NQ ĐHĐCĐ bất thường năm 2019
5	Bà Huỳnh Thị Huệ Thu	Thành viên	01	100%	Được bầu theo NQ ĐHCĐ bất thường năm 2019

III. THÙ LAO VÀ CÁC GIAO DỊCH: Ban điều hành Công ty đã có Tờ trình số 53/2020/TT.BGD đề xuất HĐQT trình ĐHCĐ phê duyệt tổng mức thù lao HĐQT, BKS là 150 triệu đồng. Việc chi trả sẽ được thực hiện sau khi trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 thông qua, đồng thời ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện việc phân phối thù lao cho HĐQT và BKS.

IV. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ: *Không có*

V. HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH ĐỐI VỚI NGƯỜI NỘI BỘ: *Không có*

CHƯƠNG 8: BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT:

1. Các hoạt động chính:

➤ Kiểm tra, giám sát việc thực thi pháp luật, Điều lệ của Công ty, việc chấp hành nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, bao gồm các nghĩa vụ thuế, chế độ bảo hiểm, quyền lợi cho người lao động và các nghĩa vụ tài chính khác.

➤ Kiểm soát hoạt động tài chính Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính (đã kiểm tra BCTC 6 tháng, 9 tháng và cả năm 2019).

➤ Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ được ký phát hành ngày 25/3/2020. Trong đó, đơn vị kiểm toán đã nhận xét Báo cáo tài chính của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty. Tuy nhiên, đơn vị kiểm toán đã lưu ý việc Công ty có nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 12,6 tỷ đồng, là các khoản nợ phát sinh trong quá trình hoạt động kinh Doanh thường xuyên của Công ty.

➤ Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị của Công ty.

2. Kiểm soát hoạt động của Hội đồng Quản trị:

HDQT gồm có 05 thành viên:

1. Bà Mai Thị Thanh Thủy - Chủ tịch HDQT
 2. Ông Phan Quốc Thông - Thành viên HDQT, miễn nhiệm ngày 31/5/2019
 3. Ông Nguyễn Thanh Huy - Thành viên HDQT, miễn nhiệm ngày 31/5/2019
 4. Ông Nguyễn Văn Thanh - Thành viên HDQT
 5. Ông Lê Đình Nhiên - Thành viên HDQT
 6. Bà Phạm Tường Vi - Thành viên HDQT, từ ngày 31/5/2019
 7. Ông Nguyễn Hoài Yên - Thành viên HDQT, từ ngày 31/5/2019
- Năm 2019, Hội đồng quản trị đã tiến hành họp và ban hành các quyết định, Nghị quyết để Giám đốc có cơ sở triển khai tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019. Các Nghị quyết, Quyết định của HDQT ban hành phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ Công ty, bám sát Nghị quyết của Đại hội cổ đông.
 - HDQT thực hiện theo đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm được giao tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Vật Liệu Xây dựng Bến Tre đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
 - HDQT thông qua các cuộc họp định kỳ, đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định để

thực thi nhiệm vụ quản lý điều hành các hoạt động của Công ty:

- Ban hành Quy chế Quản lý tài chính của Công ty vào ngày 1/3/2019
 - Miễn nhiệm chức vụ Giám đốc, Người đại diện trước pháp luật của Công ty đối với Ông Phạm Quốc Thông và Ông Nguyễn Thanh Huy, phó giám đốc kể từ ngày 1/5/2019.
 - Bổ nhiệm chức vụ Giám đốc, Người đại diện trước pháp luật của Công ty đối với Ông Nguyễn Hoài Yên từ ngày 01/5/2019.
 - Phê duyệt hạn mức tín dụng đối với nợ vay ngân hàng.
 - Triển khai phân công nhiệm vụ của từng thành viên và kế hoạch hoạt động HĐQT trong năm 2019.
 - Phê duyệt thanh lý phương tiện vận tải không cần dùng và sử dụng không hiệu quả.
 - Miễn nhiệm chức danh Phó giám đốc đối với Ông Lê Quốc Cường, bổ nhiệm Ông Tô Văn Chương đảm nhiệm chức vụ Phó giám đốc phụ trách hoạt động Kinh doanh, đầu tư dự án, thời hạn 01 năm kể từ ngày 16/8/2019.
 - Di dời văn phòng làm việc từ số 12, đường số 01, ấp An Thuận An A, xã Mỹ Thạnh An, Tp. Bến Tre về lại địa chỉ số 207D Nguyễn Đình Chiểu, xã Phú Hưng.
 - Phê duyệt kế hoạch Quỹ tiền lương năm 2019 của Người Quản lý và Người lao động.
 - Bổ nhiệm Ông Đinh Hoàng Vinh đảm nhiệm chức vụ Phó giám đốc, phụ trách hoạt động Quản trị Tài chính và Kinh doanh vật liệu xây dựng. Miễn nhiệm chức danh Kế toán trưởng đối với Ông Phan Tấn Mỹ kể từ ngày 19/11/2019 và bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng đối với Bà Đỗ Thị Thu Trang, thời hạn 01 năm kể từ ngày 19/11/2019.
 - Thành lập tiểu ban lương thưởng và tiểu ban chiến lược kinh doanh thuộc HĐQT.
 - Chủ trì tổ chức ĐHĐCĐ bất thường tổ chức vào ngày 03/12/2019, với nội dung: thông qua đề án tái cơ cấu giai đoạn 2019 – 2023, trong đó có điều chỉnh lại kế hoạch kinh doanh của năm 2019; thay đổi trụ sở Công ty; miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2022.
 - Giám sát đơn đốc tích cực trong công tác thu hồi công nợ của khách hàng và đội thi công; tiến độ triển khai thực hiện các dự án Phú Tân, chợ Mỹ Thạnh An; việc đóng cửa các mỏ cát theo đúng qui định.
- Trong quá trình hoạt động, HĐQT đã chỉ đạo, giám sát Ban giám đốc trong việc thực thi các nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua, tuân thủ điều lệ Công ty và pháp luật của Nhà nước.
 - Các phiên họp HĐQT trong năm có mời Ban Kiểm soát tham dự.
 - Nhìn chung, HĐQT đã thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT theo

Điều lệ, đảm bảo việc chỉ đạo, quản trị theo đúng pháp luật.

3. Kiểm soát hoạt động của Ban giám đốc:

Ban Giám đốc có 04 thành viên như sau :

1. Ông Phan Quốc Thông - Giám đốc, miễn nhiệm ngày 01/5/2019
2. Ông Nguyễn Thanh Huy - Phó giám đốc, miễn nhiệm ngày 01/5/2019
3. Ông Lê Quốc Cường - Phó giám đốc, miễn nhiệm ngày 16/8/2019
4. Ông Nguyễn Hoài Yên - Phó giám đốc, đến ngày 30/4/2019
- Giám đốc, từ ngày 01/5/2019
5. Ông Tô Văn Chương - Phó giám đốc, từ ngày 16/8/2019
6. Ông Đinh Hoàng Vinh - Phó giám đốc, từ ngày 19/11/2019

- Cùng với HĐQT, Ban giám đốc đã triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT trong việc điều hành sản xuất kinh doanh.

- Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh:

+ Doanh thu bán hàng năm 2019 sụt giảm mạnh so với các năm trước, và đạt 96% so với kế hoạch điều chỉnh đã được Đại hội cổ đông bất thường thông qua ngày 03/12/2019.

+ Tổng doanh thu năm 2019 đạt 86 % so với kế hoạch, từ các nguyên nhân: (1) 02 mảng kinh doanh chính của Công ty: kinh doanh vật liệu xây dựng và thi công xây dựng đạt 96% so với kế hoạch; (2) thanh lý phương tiện vận tải đạt 66% so với kế hoạch; (2) bán bất động sản tại khu Mỹ Thạnh An chưa triển khai thực hiện theo kế hoạch.

+ Theo kế hoạch, trường hợp không bán được bất động sản tại khu Mỹ Thạnh An thì sẽ lỗ 7,2 tỷ, thực tế lỗ 12,5 tỷ đồng, chênh lệch 5,3 tỷ đồng từ các nguyên nhân:

(1) 02 mảng kinh doanh mang lại nguồn thu chính là vật liệu xây dựng và thi công xây dựng phải đạt được tỷ suất lợi gộp lần lượt là 8% và 8,7%, thực tế thực hiện chỉ đạt 4,3% và 7,4%, đồng giảm giá trị tương đương 2,6 tỷ đồng; lợi nhuận gộp từ việc thanh lý giảm so với kế hoạch 400 triệu.

(3) Chi phí quản lý tăng hơn 3 tỷ đồng so với kế hoạch: do trích lập dự phòng các khoản phải thu đến hạn nhưng chưa thu hồi được theo qui định, tiền thuê đất bị truy thu từ năm 2015 – 2018, phân bổ toàn bộ chi phí sửa chữa của các phương tiện vận tải đã được thanh lý. Chi phí bán hàng tăng do thanh lý hàng tồn kho nhiều năm đã mất phẩm chất 504 triệu.

+ Do đó: kết quả kinh doanh có lợi nhuận trước thuế lỗ 12,5 tỷ đồng.

- Về công tác quản lý điều hành:

▪ Công ty hiện đang mất cân đối giữa tài sản ngắn hạn và nợ ngắn hạn tương đương 12,6 tỷ đồng (tài sản ngắn hạn < nợ ngắn hạn), Công ty đang sử dụng khoản nợ ngắn hạn để đầu tư cho dự án Phú Tân, việc này đã kéo dài từ 6 tháng đầu năm 2019

▪ Trong năm, Ban điều hành đã nỗ lực để thu hồi công nợ dư nợ đầu năm là 76,8 tỷ

đến 31/12/2019 dư nợ là 40,2 tỷ giảm tương đương 36,5 tỷ đồng. Bên cạnh đó, Ban điều hành Công ty cần nỗ lực hơn để bám sát việc thu hồi công nợ của việc thi công đối với Công an tỉnh Bến Tre với dư nợ phải thu 15,6 tỷ đồng cho 3 công trình (*trong đó công trình Trại tạm giam hơn 10 tỷ đồng*).

▪ Dư nợ vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh Doanh đến 31/12/2019 là 95 tỷ đồng chỉ giảm so với đầu năm là 2,4 tỷ đồng.

▪ Ban điều hành cũng đã sắp xếp, tinh gọn bộ máy nhân sự phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh hiện tại. Tuy nhiên, trong trường hợp tình hình Doanh thu sụt giảm và kinh Doanh không có lãi thì Công ty cần phải tiếp tục rà soát bộ máy phù hợp hơn nữa.

▪ Việc quyết toán các công trình thi công chậm, kéo dài so với thời hạn Hợp đồng.

▪ Dự án Phú Tân: Căn cứ, Quyết định số 90/QĐ-SKHĐT ngày 22/7/2019 của Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre thì dự án đã bị chấm dứt hoạt động và thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư dự án. Tuy nhiên, Công ty chưa đề cập đến phương án xử lý số tiền tương đương 36 tỷ đồng đã đầu tư. Ban điều hành Công ty chưa khẩn trương làm việc với các Cơ quan chức năng của Tỉnh để sớm có câu trả lời hợp lý cho Công ty.

▪ Dự án Chợ Mỹ Thạnh An: đã tạm ngừng thi công, hiện đang trong giai đoạn tìm kiếm đối tác để hợp tác, với giá trị đầu tư 6,3 tỷ đồng (giá trị đất: 3,7 tỷ, xây dựng: 2,6 tỷ). Việc tính toán để kịp thời điều chỉnh đối với dự án này chậm và không phù hợp thực tế.

▪ Đối với hoạt động khai thác cát:

+ Các mỏ cát đều đã hết thời hạn khai thác từ cuối năm 2018, số tiền Công ty đã ký quỹ trước đây là 1,7 tỷ đồng để được cấp quyền khai thác, Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ theo qui định. Số tiền này, Công ty sẽ được nhận lại sau khi hoàn thành các thủ tục hoàn nguyên theo qui định.

+ Tháng 11/2019 đoàn Thanh tra chính phủ đến làm việc tại Công ty về hoạt động khai thác cát đối với các mỏ cát được cấp phép trên địa bàn tỉnh Bến Tre, do đó thủ tục đóng cửa mỏ của Công ty hiện nay đang được Sở tài nguyên môi trường tạm thời chậm lại tiến độ giải quyết hồ sơ.

+ Theo dự thảo kết luận của Đoàn thanh tra đã được UBND tỉnh Bến Tre công bố vào ngày 03/01/2020 trong đó kết luận: truy thu số tiền thuế Công ty phải nộp hơn 18 tỷ đồng, đồng thời chuyển hồ sơ vụ việc sang Cơ quan điều tra và truy cứu trách nhiệm hình sự về tội trốn thuế; giao UBND tỉnh triển khai thực hiện, xử lý các việc liên quan. Hiện nay, việc này Ủy ban nhân dân tỉnh đang có chủ trương chỉ đạo tiếp.

+ Đồng thời, Công ty đã có văn bản giải trình gửi Ủy ban Nhân dân tỉnh Bến tre và Đoàn Thanh tra Chính phủ, trong đó có đưa ra một số dẫn chứng đối với cơ sở kết luận của Đoàn Thanh tra là chưa phù hợp tại thời điểm Công ty khai thác.

II. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP GIỮA BAN KIỂM SOÁT VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ CỔ ĐÔNG:

Ban kiểm soát đã tham dự các cuộc họp của HĐQT, tham gia đóng góp ý kiến với HĐQT và Ban giám đốc về công tác điều hành hoạt động của Công ty.

Trong quá trình hoạt động Ban Kiểm soát được HĐQT và Ban giám đốc tạo điều kiện để Ban Kiểm soát hoạt động đúng chức năng nhiệm vụ.

HĐQT, Ban giám đốc và Ban Kiểm soát thường xuyên trao đổi thông tin, làm việc trên tinh thần đoàn kết, cởi mở, thẳng thắn đóng góp xây dựng nhằm nâng cao hiệu quả cho Công ty.



CHƯƠNG 9: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2019



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
Bảng cân đối kế toán	06 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
Thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 41

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, Đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vật Liệu Xây Dựng Bến Tre (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1852/QĐ-UB ngày 24/05/2004 của UBND tỉnh Bến Tre, đăng ký hoạt động kinh doanh theo giấy phép số 1300108704 ngày 01/09/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 06 tháng 05 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp.

Mã Chứng khoán Công ty là: VXB.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Địa chỉ: Số 12, Đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre.

Điện thoại : (0275) 3822 319 – (0275) 3829 857

Fax : 0275 3822 319

Mã số thuế : 1300108704

2. Các thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm Soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị:

Họ và Tên	Chức vụ	Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Bà Mai Thị Thanh Thủy	Chủ tịch	15/06/2018	
Ông Phan Quốc Thông	Chủ tịch		31/05/2019
Ông Nguyễn Thanh Huy	Thành viên		31/05/2019
Bà Phạm Tường Vi	Thành viên	31/05/2019	
Ông Lê Đình Nhiên	Thành viên	15/06/2018	
Ông Nguyễn Văn Thạnh	Thành viên	15/06/2018	
Ông Nguyễn Hoài Yên	Thành viên	31/05/2019	

Ban Giám đốc

Họ và Tên	Chức vụ	Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Ông Phan Quốc Thông	Giám đốc		01/05/2019
Ông Nguyễn Hoài Yên	Giám đốc	01/05/2019	
Ông Tô Văn Chương	Phó Giám đốc	16/08/2019	
Ông Lê Quốc Cường	Phó Giám đốc		16/08/2019
Ông Đinh Hoàng Vinh	Phó Giám đốc	19/11/2019	

Ban Kiểm Soát

Họ và Tên	Chức vụ	Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Ông Huỳnh Hữu Phúc	Trưởng ban		31/05/2019
Bà Lê Thị Kim Nuống	Trưởng ban	31/05/2019	
Bà Lê Thị Kim Nuống	Thành viên		31/05/2019
Bà Đỗ Thị Kim Anh	Thành viên		

95-00
C TY
HỮU H
OÁN
T NAI
ÁNH
HƠ
IP.C

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, Đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đại diện pháp luật

Họ và Tên	Chức vụ	Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Hoài Yên	Giám đốc	01/05/2019	
Ông Phan Quốc Thông	Giám đốc		01/05/2019

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ được chỉ định thực hiện Kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 cho Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, Đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

7. Công bố báo cáo tài chính

Ban Giám đốc công bố các báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,



NGUYỄN HOÀI YÊN

Giám đốc

Bến Tre, ngày 25 tháng 03 năm 2020





Số: 036/2020/BCKT-CT.00181

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vật Liệu Xây Dựng Bến Tre**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vật Liệu Xây Dựng Bến Tre được lập ngày 25 tháng 03 năm 2020, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vật Liệu Xây Dựng Bến Tre tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã nêu tại mục 9.4 của Thuyết minh báo cáo tài chính, Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 12.615.036.035 VND. Tuy nhiên, các khoản nợ ngắn hạn tại ngày này chủ yếu là khoản nợ do đầu tư xây dựng cơ bản nhằm phục vụ các dự án trong năm và khoản vay dài hạn đến hạn trả cho Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre. Ban Giám đốc Công ty xác định đây là các khoản nợ phải trả phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thường xuyên của Công ty.



TRANG ĐẮC NHA

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
2111-2018-009-1

TP. Cần Thơ, ngày 25 tháng 03 năm 2020

NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
0600-2018-009-1

25-00
TY
HỮU H
ĐÁN
T N A
ÁNH
HƠ
P. C P

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, Đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
Đơn vị tính: VND				
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		98.886.628.994	142.921.898.229
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.618.702.265	5.232.564.692
Tiền	111	5.1	2.618.702.265	5.232.564.692
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		49.691.278.782	108.219.750.790
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	40.284.297.868	76.804.129.006
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	888.337.830	2.964.146.543
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4.1	13.676.039.795	30.672.240.718
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(5.157.396.711)	(2.220.765.477)
Hàng tồn kho	140	5.6	45.959.623.234	29.469.582.747
Hàng tồn kho	141		45.959.623.234	29.655.044.558
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(185.461.811)
Tài sản ngắn hạn khác	150		617.024.713	-
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7.1	196.273.125	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.16	420.751.588	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155	5.13	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, Đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
Đơn vị tính: VND				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		63.947.484.301	62.027.608.295
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.712.500.308	2.706.583.432
Phải thu dài hạn khác	216	5.4.2	1.712.500.308	2.706.583.432
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
Tài sản cố định	220		13.043.878.133	15.258.416.378
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	12.208.083.530	14.422.621.775
Nguyên giá	222		26.133.266.015	31.046.913.228
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.925.182.485)	(16.624.291.453)
Tài sản cố định vô hình	227	5.9	835.794.603	835.794.603
Nguyên giá	228		835.794.603	835.794.603
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Bất động sản đầu tư	230	5.10	8.899.887.402	8.899.887.402
Nguyên giá	231		8.899.887.402	8.899.887.402
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		39.703.013.006	33.580.119.074
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	5.11	35.858.728.447	30.370.983.059
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	3.844.284.559	3.209.136.015
Tài sản dài hạn khác	260		588.205.452	1.582.602.009
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7.2	245.705.391	1.399.602.009
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.13	342.500.062	183.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		162.834.113.296	204.949.506.524

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, Đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2019	01/01/2019
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		115.446.163.993	145.143.083.351
Nợ ngắn hạn	310		111.501.665.029	136.927.086.237
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	9.527.998.640	20.619.606.001
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	4.347.110.285	18.782.177.806
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	-	2.314.846.788
Phải trả người lao động	314		727.040.732	543.878.688
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	3.837.263.950
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	4.055.113.528	576.659.015
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19.1	91.131.901.536	89.337.653.989
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.18	1.712.500.308	915.000.000
Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		-	-
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		3.944.498.964	8.215.997.114
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.19.2	3.944.498.964	8.215.997.114
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		47.387.949.303	59.806.423.173
Vốn chủ sở hữu	410	5.20	47.387.949.303	59.806.423.173
Vốn góp của chủ sở hữu	411		40.490.060.000	40.490.060.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		40.490.060.000	40.490.060.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		4.067.762.000	4.067.762.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		14.152.369.189	14.152.369.189
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(11.322.241.886)	1.096.231.984
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.096.231.984	-
LNST chưa phân phối năm nay	421b		(12.418.473.870)	1.096.231.984
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		162.834.113.296	204.949.506.524

NGUYỄN THỊ THÚY KIỀU
Người lập biểu

ĐỖ THỊ THU TRANG
Kế toán trưởng



NGUYỄN HOÀI YÊN
Giám đốc

Bến Tre, ngày 25 tháng 03 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, Đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	2019	2018
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	131.520.426.299	227.033.957.814
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	239.376.615	311.080.727
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		131.281.049.684	226.722.877.087
Giá vốn hàng bán	11	6.3	125.504.386.447	205.681.773.118
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.776.663.237	21.041.103.969
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	102.745.034	29.258.582
Chi phí tài chính	22	6.5	6.486.553.826	7.069.650.313
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		6.486.553.826	7.069.650.313
Chi phí bán hàng	25	6.6	3.238.434.829	3.715.484.428
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	11.510.785.765	9.900.271.216
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(15.356.366.149)	384.956.594
Thu nhập khác	31	6.8	2.828.364.581	1.133.998.206
Chi phí khác	32		49.972.364	84.635.428
Lợi nhuận khác	40		2.778.392.217	1.049.362.778
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(12.577.973.932)	1.434.319.372
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.16	-	521.087.388
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	5.16	(159.500.062)	(183.000.000)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(12.418.473.870)	1.096.231.984
Lãi cơ bản trên cổ phiếu		6.9	(3.067)	271

NGUYỄN THỊ THÚY KIỀU
Người lập

ĐỖ THỊ THU TRANG
Kế toán trưởng



NGUYỄN HOÀI YÊN
Giám đốc

Bến Tre, ngày 25 tháng 03 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, Đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	2019	2018
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		(12.577.973.932)	1.434.319.372
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		1.893.003.632	2.167.981.487
Các khoản dự phòng/(hoàn nhập)	03		3.548.669.731	2.679.175.658
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.449.210.596)	(96.785.701)
Chi phí lãi vay	06		6.486.553.826	7.069.650.313
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(2.098.957.339)	13.254.341.129
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		55.966.672.248	(7.127.991.998)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(21.792.324.064)	(17.932.250.459)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(25.388.994.924)	14.443.987.175
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		957.623.493	2.179.858.310
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(6.486.553.826)	(7.069.650.313)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(581.245.788)	(819.992.477)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	1.040.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	(976.956.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		576.219.800	(4.047.615.333)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(2.553.576.833)	(2.592.579.603)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		1.754.545.452	681.818.182
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		86.199.757	3.389.329
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(712.831.624)	(1.907.372.092)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, Đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	2019	2018
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33	7.1	140.558.934.864	156.339.810.404
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(143.036.185.467)	(149.510.840.721)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(4.251.456.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.477.250.603)	2.577.513.383
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		(2.613.862.427)	(3.377.474.042)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60		5.232.564.692	8.610.038.734
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	5.1	2.618.702.265	5.232.564.692

NGUYỄN THỊ THÚY KIỀU
Người lập biểu

ĐỖ THỊ THU TRANG
Kế toán trưởng



NGUYỄN HOÀI YÊN
Giám đốc

Bến Tre, ngày 25 tháng 03 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, Đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1852/QĐ-UB ngày 24/05/2004 của UBND tỉnh Bến Tre, đăng ký hoạt động kinh doanh theo giấy phép số 1300108704 ngày 01/09/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 06 tháng 05 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 40.490.060.000 VND; tương đương 4.049.006 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND/cổ phần.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Sản xuất – Thương mại – Xây dựng – Kinh doanh bất động sản.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Khai thác cát;
- San lấp mặt bằng;
- Vận tải hàng hóa;
- Xây dựng cơ sở hạ tầng;
- Kinh doanh bất động sản.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được so sánh với số liệu tương ứng của năm trước.

1.6 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tổng số nhân viên của Công ty là 66 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 112 người).

2 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, Đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài Chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 đến dưới 02 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

0448
CỔ
ẢNH
KIỂM
KẾ
C V
CHI
CÁ
PÁNH

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, Đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.5 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

4.6 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định

- Nhà cửa, vật kiến trúc
- Máy móc, thiết bị
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn
- Thiết bị, dụng cụ quản lý
- Tài sản cố định khác

Thời gian khấu hao

05 - 30	năm
03 - 08	năm
07 - 10	năm
03 - 08	năm
06	năm

4.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, Đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

4.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty không thời hạn không được tính khấu hao.

4.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.10 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, Đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

4.12 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Đối với bất động sản phân lô bán nền đã chuyển giao nền đất cho khách hàng, Công ty được ghi nhận doanh thu với phần nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất;
- Công ty đã thu hoặc chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, Đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.13 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

4.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp;
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

Công ty dự định thanh toán Thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản Thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của Thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản Thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

Trong kỳ, Công ty áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, Đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

4.15 Quỹ tiền lương

Trong năm, Công ty đã thực hiện chi phí tiền lương thực hiện trên cơ sở lương trên hợp đồng lao động.

4.16 Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn

Trong kỳ, Công ty trích Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn theo mức lương, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác theo quy định hiện hành:

- Bảo hiểm xã hội được trích trên lương cơ bản vào chi phí là: 17,5% và 8% trừ lương cán bộ công nhân viên.
- Bảo hiểm y tế được trích trên lương cơ bản vào chi phí là: 3% và 1,5% trừ lương cán bộ công nhân viên.
- Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương cơ bản vào chi phí là: 1% và 1% trừ lương cán bộ công nhân viên.
- Kinh phí công đoàn được trích trên lương cơ bản vào chi phí là: 2%.

4.17 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.18 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty chỉ có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty chỉ có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, Đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

4.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty	Quan hệ
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước - Công ty TNHH Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát	Cổ đông lớn Thành viên quản lý chủ chốt

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	230.037.423	3.489.281.431
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.388.664.842	1.743.283.261
	2.618.702.265	5.232.564.692

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Phải thu các khách hàng khác		
Công An tỉnh Bến Tre – Phòng Hậu Cần	15.599.421.682	19.318.857.418
Ban QLDA ĐTXD Khu vực Thành phố Bến Tre	2.407.627.600	11.181.726.589
Ban QLDA Đầu Tư Xây Dựng Huyện Ba Tri	1.423.659.000	12.248.113.000
Các khách hàng khác	20.853.589.586	34.055.431.999
	40.284.297.868	76.804.129.006

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Trả trước cho người bán khác		
Công ty TNHH MTV Tấn Thiện	317.308.000	672.687.564
Công ty TNHH Nước và Môi Trường Sài Gòn	-	707.689.000
Công ty TNHH MTV Tăng Phúc Điền	-	494.400.000
Công ty TNHH SX & TM Hoàng Hải	109.239.500	-
Công ty TNHH Sài Gòn Bảy	100.000.000	100.000.000
Công ty TNHH TM và DV Chợ Thành	175.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	186.790.330	989.369.979
	888.337.830	2.964.146.543

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, Đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.4 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác**5.4.1 Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan				
Ông Nguyễn Thanh Huy - Tạm ứng công tác	-	-	399.600.100	-
Ông Phan Quốc Thông	433.815.227	-	433.815.227	-
Ông Huỳnh Hữu Phúc	-	-	60.000.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Tạm ứng công tác	13.927.000	-	545.945.120	-
Bảo hiểm Y tế	800.420	-	-	-
Ông Lê Hoàng Dũng – Đội Xây dựng số 4	3.000.225.691	-	5.842.440.808	-
Ông Lê Văn Trung – Đội Xây dựng số 6	2.253.173.494	-	5.473.870.287	-
Ông Lê Hoàng Thanh – Đội Xây dựng số 1	4.609.985.104	-	6.324.180.742	-
Ông Trần Trung Trực – Đội Xây dựng số 5	355.004.213	-	4.051.015.499	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	3.009.108.646	-	7.541.372.935	-
	13.676.039.795	-	30.672.240.718	-

5.4.2 Phải thu dài hạn khác

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Quý Bảo Vệ Môi Trường Việt Nam - Ký quỹ	1.712.500.308	-	1.712.500.308	-
Dự án Phú Tân - Ký Quỹ	-	-	994.083.124	-
	1.712.500.308	-	2.706.583.432	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, Đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.5 Nợ xấu

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm				
Nguyễn Văn Ly	13.155.000	9.208.500	-	-
Nợ quá hạn từ 1 đến dưới 2 năm				
Các khách hàng khác	193.025.362	96.512.681	-	-
Nợ quá hạn trên 2 đến dưới 3 năm				
DNTN XD TM Đại Phan Thành	-	-	466.285.000	139.885.500
Các khách hàng khác	-	-	197.108.600	59.132.580
Nợ quá hạn trên 3 năm				
DNTN XD TM Đại Phan Thành	466.285.000	-	-	-
Vật Liệu Xây Dựng Chì Cúc - Ba Tri	246.752.735	-	-	-
Công ty TNHH XD Đại Gia Phú	-	-	183.835.590	-
Công ty CP XNK và Xây Dựng Bạch Đằng	363.407.307	-	363.407.307	-
Bà Nguyễn Thị Kim An	304.500.000	-	554.500.000	-
Các khoản khác	3.675.992.488	-	654.647.060	-
	5.263.117.892	105.721.181	2.419.783.557	199.018.080

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn VND	Trả trước cho người bán VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2019	(2.220.765.477)	-	(2.220.765.477)
Trích lập dự phòng	(3.687.449.634)	-	(3.687.449.634)
Hoàn nhập dự phòng	750.818.400	-	750.818.400
Tại ngày 31/12/2019	(5.157.396.711)	-	(5.157.396.711)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, Đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	698.796.563	-	729.880.695	-
Công cụ, dụng cụ	3.290.000	-	11.733.682	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	41.357.277.640	-	23.017.020.466	-
Thành phẩm	323.965.429	-	563.804.656	-
Hàng hoá	3.576.293.602	-	5.332.605.059	(185.461.811)
	45.959.623.234	-	29.655.044.558	(185.461.811)

5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn**5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Chi phí CCDC	57.512.569	-
Chi phí sửa chữa	79.609.481	-
Bảo hiểm phương tiện	59.151.075	-
	196.273.125	-

5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Chi phí CCDC	120.694.228	-
Chi phí sửa chữa	110.113.294	822.897.324
Chi phí dài hạn khác	14.897.869	576.704.685
	245.705.391	1.399.602.009

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, Đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.8 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quân lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Vào ngày 01/01/2019	8.631.589.701	4.395.189.593	17.483.368.052	221.702.728	315.063.154	31.046.913.228
Mua trong năm	-	-	-	31.000.000	-	31.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(4.944.647.213)	-	-	(4.944.647.213)
Vào ngày 31/12/2019	8.631.589.701	4.395.189.593	12.538.720.839	252.702.728	315.063.154	26.133.266.015
Giá trị hao mòn lũy kế						
Vào ngày 01/01/2019	3.836.257.250	2.655.533.569	9.654.467.063	162.970.417	315.063.154	16.624.291.453
Khấu hao trong năm	244.875.900	316.230.166	1.301.553.832	30.343.734	-	1.893.003.632
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(4.592.112.600)	-	-	(4.592.112.600)
Vào ngày 31/12/2019	4.081.133.150	2.971.763.735	6.363.908.295	193.314.151	315.063.154	13.925.182.485
Giá trị còn lại						
Vào ngày 01/01/2019	4.795.332.451	1.739.656.024	7.828.900.989	58.732.311	-	14.422.621.775
Vào ngày 31/12/2019	4.550.456.551	1.423.425.858	6.174.812.544	59.388.577	-	12.208.083.530
Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng						
Vào ngày 01/01/2019	2.038.095.658	1.001.230.608	1.851.875.788	32.727.273	315.063.154	5.238.992.481
Vào ngày 31/12/2019	2.237.728.516	2.145.242.714	1.473.565.410	73.534.546	315.063.154	6.245.134.340
Giá trị tài sản cố định đem đi thế chấp các khoản vay						
Vào ngày 01/01/2019	-	308.753.109	2.996.635.814	58.732.311	-	3.364.121.234
Vào ngày 31/12/2019	-	217.782.961	2.095.672.169	32.521.911	-	2.345.977.041

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, Đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.9 Tài sản cố định vô hình

	Giá trị quyền sử dụng đất VND
Nguyên giá	
Vào ngày 01/01/2019	835.794.603
Vào ngày 31/12/2019	835.794.603
Khấu hao trong năm	
Vào ngày 01/01/2019	-
Vào ngày 31/12/2019	-
Giá trị còn lại	
Vào ngày 01/01/2019	835.794.603
Vào ngày 31/12/2019	835.794.603
Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình đem thế chấp các khoản vay của Công ty:	
Vào ngày 01/01/2019	835.794.603
Vào ngày 31/12/2019	835.794.603

5.10 Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất tại xã Mỹ Thạnh An VND
Nguyên giá	
Vào ngày 01/01/2019	8.899.887.402
Vào ngày 31/12/2019	8.899.887.402
Giá trị hao mòn lũy kế	
Vào ngày 01/01/2019	-
Vào ngày 31/12/2019	-
Giá trị còn lại	
Vào ngày 01/01/2019	8.899.887.402
Vào ngày 31/12/2019	8.899.887.402
Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư đem thế chấp các khoản vay của Công ty:	
Vào ngày 01/01/2019	8.899.887.402
Vào ngày 31/12/2019	8.899.887.402

5.11 Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	35.858.728.447	35.858.728.447	30.370.983.059	30.370.983.059
	35.858.728.447	35.858.728.447	30.370.983.059	30.370.983.059

(*) Đây là chi phí dự án khu tái định cư Phú Tân. Công ty đã trình Ủy ban nhân dân Thành phố Bến Tre số 102/TTr-VLXD ngày 14 tháng 09 năm 2015 về việc xem xét phê duyệt chủ trương điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng khu tái định cư Phú Tân, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre.

Toàn bộ dự án này đã được thế chấp làm tài sản đảm bảo vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, Đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2019	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Giảm khác	31/12/2019
	VND	VND	VND	VND	VND
Mua sắm tài sản cố định					
Phần mềm phòng kinh doanh	358.955.000	-	-	-	358.955.000
Xây dựng cơ bản					
Trạm xử lý nước thải KTEC Mỹ Thạnh An	1.887.428.289	1.505.731.965	-	(3.393.160.254)	-
Bờ kè, nhà bảo vệ, nhà vệ sinh	527.232.367	46.363.636	-	-	573.596.003
Chợ Mỹ Thạnh An	410.617.377	2.365.378.502	-	(114.671.834)	2.661.324.045
Công trình khác	24.902.982	-	-	(24.902.982)	-
Sảnh văn phòng công ty	-	250.409.511	-	-	250.409.511
Vào ngày 31/12/2019	3.209.136.015	4.167.883.614	-	(3.532.735.070)	3.844.284.559

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, Đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.13 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến chi phí hoàn nguyên. Chi tiết phát sinh như sau:

	2019
	VND
Tại ngày 01/01/2019	183.000.000
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	159.500.062
Tại ngày 31/12/2019	342.500.062

5.14 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>		
Công ty TNHH Xây dựng Tuyệt Nghi	181.973.760	3.081.028.660
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	2.323.757.975	2.970.538.625
Công ty TNHH Hiệp Hòa Lợi	167.090.000	281.645.010
Công ty TNHH Xây dựng TM Trương Hoàng Phúc	-	1.322.621.864
Công ty TNHH MTV XD và Phát triển đô thị Bến Tre	972.645.000	165.980.000
Các nhà cung cấp khác	5.882.531.905	12.797.791.842
	9.527.998.640	20.619.606.001

5.15 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ban Quản Lý Dự án ĐTXD Huyện Châu Thành	1.014.119.985	6.881.826.871
Ban Quản Lý Dự án ĐTXD Huyện Thạnh Phú	-	2.597.152.032
Ban QLDA Mỏ Cà Ná	-	2.099.242.500
Ban QLDA Đầu tư Xây Dựng Huyện Tân Phú Đông	1.500.324.000	6.815.138.000
Các khách hàng khác	1.832.666.300	388.818.403
	4.347.110.285	18.782.177.806

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, Đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.16 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2019		Số phát sinh trong năm		31/12/2019	
	Phải thu VND	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải thu VND	Phải nộp VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	1.791.152.365	-	(1.875.366.029)	84.213.664	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	244.707.864	-	(581.245.788)	336.537.924	-
Thuế Tài nguyên	-	205.164.000	-	(205.164.000)	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	1.104.282.000	1.104.282.000	-	-
Các loại thuế khác	-	5.434.559	8.076.704	(13.511.263)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	68.388.000	-	(68.388.000)	-	-
	-	2.314.846.788	1.112.358.704	(1.639.393.080)	420.751.588	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hoạt động kinh doanh dịch vụ trong nước là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty đang áp dụng thuế suất phổ thông 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, Đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuế Thu nhập doanh nghiệp "TNDN" hiện hành

	2019	2018
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(12.577.973.932)	1.434.319.372
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	-	919.749.387
Các khoản điều chỉnh tăng	-	919.749.387
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	-	2.354.068.759
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	-	470.813.752
Thuế TNDN phải nộp theo kiến nghị của Kiểm toán nhà nước	-	50.273.636
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	521.087.388

Thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	2019	
	VND	
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	797.500.308	
Phát sinh chênh lệch các khoản tạm thời được khấu trừ:	797.500.308	
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong kỳ	20%	
Thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	159.500.062	

5.17 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	17.946.800	12.184.560
Bảo hiểm xã hội	13.142.325	159.024.775
Bảo hiểm y tế	-	27.402.630
Bảo hiểm thất nghiệp	451.846	12.513.576
Nguyễn Tiên Tài	3.760.006.641	-
Ông Trần Trung Trực - Đội Xây Dựng số 2	261.134.657	363.102.215
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.431.259	2.431.259
	4.055.113.528	576.659.015

5.18 Dự phòng phải trả ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Dự phòng phải trả chi phí hoàn nguyên	1.712.500.308	915.000.000
	1.712.500.308	915.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, Đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.19 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn**5.19.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre	80.288.501.536	80.288.501.536	75.855.322.975	75.855.322.975
Ngân hàng TMCP Đông Á - Chi nhánh Bến Tre	-	-	7.428.931.014	7.428.931.014
<i>Vay cá nhân</i>				
Bà Lê Trâm Lý	4.790.000.000	4.790.000.000	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	6.053.400.000	6.053.400.000	6.053.400.000	6.053.400.000
	91.131.901.536	91.131.901.536	89.337.653.989	89.337.653.989

Các khoản vay ngắn hạn của Công ty là các khoản vay có thời hạn dưới 12 tháng có số dư và lãi suất vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 được trình bày như sau:

	31/12/2019				01/01/2019			
	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn (tháng)	Số tiền VND	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn (tháng)	Số tiền VND		
BIDV - Chi nhánh Bến Tre	7,5% - 7,7%	8	80.288.501.536	7,2% - 7,5%	8	75.855.322.975		
DongA Bank - Chi nhánh Bến Tre	7,60%	6	-	7,2% - 7,4%	6	7.428.931.014		
Vay Cá Nhân	0%	12	4.790.000.000			-		
Vay dài hạn đến hạn trả	10,4% - 11,7%	3	6.053.400.000	10,4% - 10,7%	3	6.053.400.000		
			91.131.901.536			89.337.653.989		

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, Đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chi tiết về số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	01/01/2019	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Kết chuyển từ vay dài hạn	31/12/2019
	VND	VND	VND	VND	VND
BIDV - Chi nhánh Bến Tre	(a) 75.855.322.975	118.236.263.245	(113.803.084.684)	-	80.288.501.536
DongA Bank - Chi nhánh Bến Tre	(b) 7.428.931.014	7.497.369.769	(14.926.300.783)	-	-
Vay Cá Nhân	(c) -	6.990.000.000	(2.200.000.000)	-	4.790.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	6.053.400.000	-	(6.053.400.000)	6.053.400.000	6.053.400.000
	89.337.653.989	132.723.633.014	(136.982.785.467)	6.053.400.000	91.131.901.536

(a) Đây là khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre với mục đích vay là bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất và thi công xây dựng các công trình và mục đích bảo lãnh là phục vụ thi công công trình bao gồm các loại bảo lãnh trong lĩnh vực xây dựng: bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước, bảo lãnh bảo hành,... và các loại bảo lãnh phục vụ hoạt động kinh doanh VLXD, hàng trang trí nội thất. Tài sản thế chấp để đảm bảo khoản vay trên là tài sản cố định, bất động sản và quyền sử dụng đất. Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình tính ngày 31/12/2019 được thế chấp là 2.345.977.041 VND.

(b) Đây là khoản vay của Ngân hàng TMCP Đông Á – Chi nhánh Bến Tre với mục đích vay là bổ sung vốn lưu động. Tài sản thế chấp để đảm bảo khoản vay trên là Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 944, tờ bản đồ số 2, xã Mỹ Thạnh An, Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Giá trị còn lại của tài sản cố định tại ngày 31/12/2019 được thế chấp là 9.735.682.005 VND.

(c) Đây là khoản tiền mượn cá nhân với thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất là 0%/năm.

5.19.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn ngân hàng				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre	9.997.898.964	9.997.898.964	14.269.397.114	14.269.397.114
Nợ dài hạn đến hạn trả	(6.053.400.000)	(6.053.400.000)	(6.053.400.000)	(6.053.400.000)
	3.944.498.964	3.944.498.964	8.215.997.114	8.215.997.114



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, Đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chi tiết về số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	01/01/2019	Số tiền vay phát sinh trong kỳ VND	Số tiền vay đã trả trong kỳ VND	Kết chuyển từ vay dài hạn VND	31/12/2019
BIDV - Chi nhánh Bến Tre		(d) 8.215.997.114	7.835.301.850	(6.053.400.000)	3.944.498.964
		8.215.997.114	7.835.301.850	(6.053.400.000)	3.944.498.964

(d) Đây là khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre với mục đích vay mua tài sản và Đầu tư xây dựng Hạ Tầng kỹ thuật Khu Tái định cư Phú Tân (Giai đoạn 1). Tài sản thế chấp đảm bảo khoản vay trên là tài sản được hình thành trong tương lai và Quyền tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 01/2017/670816/HĐTCQTS ngày 29/12/2017.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, Đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.20 Vốn chủ sở hữu ("VCSH")**5.20.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2018	40.490.060.000	4.067.762.000	14.152.369.189	4.591.656.651	63.301.847.840
Lãi trong năm	-	-	-	1.096.231.984	1.096.231.984
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(340.200.351)	(340.200.351)
Chia cổ tức	-	-	-	(4.251.456.300)	(4.251.456.300)
Tại ngày 31/12/2018	40.490.060.000	4.067.762.000	14.152.369.189	1.096.231.984	59.806.423.173
Tại ngày 01/01/2019	40.490.060.000	4.067.762.000	14.152.369.189	1.096.231.984	59.806.423.173
Lỗ trong năm	-	-	-	(12.418.473.870)	(12.418.473.870)
Tại ngày 31/12/2019	40.490.060.000	4.067.762.000	14.152.369.189	(11.322.241.886)	47.387.949.303

5.20.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà Nước (SCIC)	20.146.260.000	20.146.260.000
Ông Cao Toàn Thắng	2.935.000.000	2.935.000.000
Ông Ngô Hữu Tài	2.701.260.000	2.701.260.000
Các cổ đông khác	14.707.540.000	14.707.540.000
	40.490.060.000	40.490.060.000
	Tỷ lệ (%)	Tỷ lệ (%)
	49,76%	49,76%
	7,25%	7,25%
	6,67%	6,67%
	36,32%	36,32%
	100,00%	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, Đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.20.3 Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.049.006	4.049.006
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.049.006	4.049.006
- Cổ phiếu phổ thông	4.049.006	4.049.006
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.049.006	4.049.006
- Cổ phiếu phổ thông	4.049.006	4.049.006
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/Cổ phần		

5.21 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**Nợ khó đòi đã xử lý**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty TNHH Y&D	45.400.000	45.400.000
Công ty TNHH Xây dựng Thành Thịnh	33.945.000	33.945.000
Trần Kiên Khánh	14.220.300	14.220.300
Các khách hàng khác	21.808.300	21.808.300
	115.373.600	115.373.600

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	2019	2018
	VND	VND
Doanh thu hàng hóa	38.882.993.991	67.192.575.175
Doanh thu bán thành phẩm	844.327.421	16.485.424.923
Doanh thu xây dựng	90.692.861.906	131.899.109.036
Doanh thu khác	1.100.242.981	11.456.848.680
	131.520.426.299	227.033.957.814

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	2019	2018
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	239.376.615	311.080.727
	239.376.615	311.080.727

6.3 Giá vốn hàng bán

	2019	2018
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa	36.501.974.493	61.903.270.474
Giá vốn bán thành phẩm	1.263.930.501	13.960.618.251
Giá vốn xây dựng	83.967.940.887	120.094.346.819
Giá vốn khác	3.770.540.566	9.723.537.574
	125.504.386.447	205.681.773.118

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, Đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	2019	2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	86.199.757	3.389.329
Doanh thu hoạt động tài chính khác	16.545.277	25.869.253
	102.745.034	29.258.582

6.5 Chi phí tài chính

	2019	2018
	VND	VND
Lãi tiền vay	6.486.553.826	7.069.650.313
	6.486.553.826	7.069.650.313

6.6 Chi phí bán hàng

	2019	2018
	VND	VND
Chi phí nhân viên bán hàng	1.427.600.733	1.793.478.907
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	617.477.947	1.036.099.935
Chi phí phân bổ	197.851.711	462.526.386
Chi phí khấu hao tài sản cố định	618.830.734	170.433.674
Chi phí bán hàng khác	376.673.704	252.945.526
	3.238.434.829	3.715.484.428

6.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2019	2018
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.386.601.599	4.453.787.636
Chi phí nguyên vật liệu	61.145.206	1.801.376.835
Chi phí khấu hao tài sản cố định	337.194.526	348.681.441
Trích/ (Hoàn nhập) chi phí dự phòng	2.936.631.234	1.578.713.847
Chi phí khác	4.789.213.200	1.717.711.457
	11.510.785.765	9.900.271.216

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, Đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

6.8 Thu nhập khác

	2019	2018
	VND	VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	1.363.010.839	93.396.372
<i>Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định</i>	1.754.545.452	681.818.182
<i>Giá trị còn lại của tài sản cố định</i>	(391.534.613)	(588.421.810)
Thu từ thưởng doanh số, khuyến mãi	21.781.696	597.788.371
Chiết khấu mua hàng	579.789.155	253.698.080
Thu nhập từ cho thuê kho	-	110.000.000
Thu nhập khác	863.782.891	79.115.383
	2.828.364.581	1.133.998.206

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2019	2018
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	(12.418.473.870)	1.096.231.984
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(12.418.473.870)	1.096.231.984
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	4.049.006	4.049.006
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(3.067)	271

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	2019	2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	87.572.289.851	61.344.391.962
Chi phí nhân công	27.309.329.941	17.560.224.993
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.893.003.632	1.145.469.240
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.769.360.468	2.110.572.266
Chi phí khác	13.877.106.804	7.010.141.208
	132.421.090.696	89.170.799.669

7 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**7.1 Tiền thu từ đi vay**

	2019	2018
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	140.558.934.864	156.339.810.404
	140.558.934.864	156.339.810.404

7.2 Tiền trả nợ gốc vay

	2019	2018
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	143.036.185.467	149.510.840.721
	143.036.185.467	149.510.840.721

8 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, và các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, Đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2019			
Các khoản vay và nợ	91.131.901.536	3.944.498.964	95.076.400.500
Phải trả người bán, phải trả khác	13.551.571.197	-	13.551.571.197
	104.683.472.733	3.944.498.964	108.627.971.697
Ngày 01 tháng 01 năm 2019			
Các khoản vay và nợ	89.337.653.989	8.215.997.114	97.553.651.103
Phải trả người bán, phải trả khác	20.985.139.475	-	20.985.139.475
Chi phí phải trả	3.837.263.950	-	3.837.263.950
	114.160.057.414	8.215.997.114	122.376.054.528

Tài sản đảm bảo

Công ty đã cầm cố máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị dụng cụ quản lý, đất đai và dự án. (Thuyết minh số 5.8, 5.9, 5.10, 5.11).

Giá trị hợp lý

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND	Ngày 01 tháng 01 năm 2019 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND	Ngày 01 tháng 01 năm 2019 VND
Tài sản tài chính				
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu khách hàng</i>	35.126.901.157	74.583.363.529	35.126.901.157	74.583.363.529
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	893.415.327	-	893.415.327
<i>Các khoản phải thu khác</i>	15.388.540.103	32.485.408.823	15.388.540.103	32.485.408.823
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	2.618.702.265	5.232.564.692	2.618.702.265	5.232.564.692
Tổng Cộng	53.134.143.525	113.194.752.371	53.134.143.525	113.194.752.371
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ				
<i>Vay và nợ</i>	95.076.400.500	97.553.651.103	95.076.400.500	97.553.651.103
<i>Phải trả người bán</i>	9.527.998.640	20.619.606.001	9.527.998.640	20.619.606.001
<i>Phải trả khác</i>	4.023.572.557	365.533.474	4.023.572.557	365.533.474
<i>Chi phí phải trả</i>	-	3.837.263.950	-	3.837.263.950
Tổng Cộng	108.627.971.697	122.376.054.528	108.627.971.697	122.376.054.528

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, Đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 01 tháng 01 năm 2019. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

9 CÁC THÔNG TIN KHÁC

9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tại ngày kết thúc kỳ tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	2019	2018
	VND	VND
Lương, thưởng và thù lao	713.157.200	1.028.112.683

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, không có giao dịch và số dư các khoản phải thu, phải trả giữa Công ty với các bên có liên quan khác.

9.2 Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận của Công ty chủ yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

9.2.1 Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Hoạt động kinh doanh hàng hóa và thành phẩm
- Hoạt động xây dựng và kinh doanh bất động sản
- Hoạt động khác

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, Đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hoạt động kinh doanh hàng hóa và thành phẩm	Hoạt động xây dựng và kinh doanh bất động sản	Hoạt động khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Năm 2019				
Doanh thu thuần	39.727.321.412	90.453.485.291	1.100.242.981	131.281.049.684
Chi phí chờ phân bổ	(37.765.904.994)	(83.967.940.887)	(3.770.540.566)	(125.504.386.447)
Kết quả kinh doanh bộ phận	1.961.416.418	6.485.544.404	(2.670.297.585)	5.776.663.237
Chi phí không phân bổ				(14.749.220.594)
Thu nhập hoạt động tài chính				102.745.034
Chi phí hoạt động tài chính				(6.486.553.826)
Thu nhập khác				2.828.364.581
Chi phí khác				(49.972.364)
Lợi nhuận trước thuế				(12.577.973.932)
Chi phí thuế TNDN hiện hành				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(159.500.062)
Lợi nhuận sau thuế TNDN				(12.418.473.870)
Vào ngày 31/12/2019				
Tài sản và nợ phải trả				
Tài sản không phân bổ				162.834.113.296
Tổng tài sản				162.834.113.296
Nợ phải trả không phân bổ				115.446.163.993
Tổng nợ phải trả				115.446.163.993

4489
 CÔNG
 NIỆM
 ẨM T
 VIỆ
 I NH
 ẨM T
 G-T

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, Đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Hoạt động kinh doanh hàng hóa và thành phẩm VND	Hoạt động xây dựng và kinh doanh bất động sản VND	Hoạt động khác VND	Cộng VND
Năm 2018				
Doanh thu thuần	83.678.000.098	141.874.861.615	1.170.015.374	226.722.877.087
Chi phí chờ phân bổ	(75.863.888.725)	(126.749.964.790)	(3.067.919.603)	(205.681.773.118)
Kết quả kinh doanh bộ phận	7.814.111.373	15.124.896.825	(1.897.904.229)	21.041.103.969
Chi phí không phân bổ				(13.615.755.644)
Thu nhập hoạt động tài chính				29.258.582
Chi phí hoạt động tài chính				(7.069.650.313)
Thu nhập khác				1.133.998.206
Chi phí khác				(84.635.428)
Lợi nhuận trước thuế				1.434.319.372
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(521.087.388)
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại				183.000.000
Lợi nhuận sau thuế TNDN				1.096.231.984
Vào ngày 01/01/2019				
Tài sản và nợ phải trả				
Tài sản không phân bổ				204.949.506.524
Tổng tài sản				204.949.506.524
Nợ phải trả không phân bổ				145.143.083.351
Tổng nợ phải trả				145.143.083.351

9.2.2 Thông tin về khu vực địa lý

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Công ty là toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam.

9.3 Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, Đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

9.4 Thông tin khác

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 12.615.036.035 VND. Tuy nhiên, các khoản nợ ngắn hạn tại ngày này chủ yếu là khoản nợ do đầu tư xây dựng cơ bản nhằm phục vụ các dự án trong năm và khoản vay dài hạn đến hạn trả cho Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre. Ban Giám đốc Công ty xác định đây là các khoản nợ phải trả phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thường xuyên của Công ty.

NGUYỄN THỊ THÚY KIỀU

Người lập

ĐỖ THỊ THU TRANG

Kế toán trưởng



NGUYỄN HOÀI YÊN

Giám đốc

Bến Tre, ngày 25 tháng 03 năm 2020





BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

THAY LỜI KẾT

Báo cáo thường niên năm 2019 được cung cấp căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 6/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Các nội dung thông tin trong báo cáo này được cung cấp với khả năng và nỗ lực cao nhất từ HĐQT, BKS và Ban Điều hành để cung cấp thông tin đến quý vị cổ đông và những tổ chức/cá nhân quan tâm tới tình hình hoạt động của Công ty. Hiện nay, do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn ra phức tạp trên khắp cả nước nên Công ty chưa tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2020. Vì vậy, các tài liệu trong Báo cáo thường niên năm 2019 này chưa Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Công ty sẽ cung cấp đến quý vị những thông tin tiếp theo khi được phê duyệt theo quy định.

Trân trọng cảm ơn./.

Bến Tre, ngày 19 tháng 04 năm 2020
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Nguyễn Hoài Yên